

THẾ GIỚI BAO ĐIỀU KỲ LẠ

Tiến sĩ TRỊNH THANH TOÀN - TẠ VĂN HÙNG
Ban biên soạn TRÍ TUỆ



NHỮNG ĐIỀU BẠN NÊN BIẾT VỀ

**THẾ GIỚI
ĐỘNG VẬT**

Animal Kingdom



NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU

SỰ TIẾN HÓA CỦA CÁC LOÀI ĐỘNG VẬT

LOÀI BÒ SÁT, ĐỘNG VẬT LƯỠNG CƯ VÀ CÁ(1)

LOÀI BÒ SÁT, ĐỘNG VẬT LƯỠNG CƯ VÀ CÁ(2)

ĐỘNG VẬT CHÂN KHỚP

ĐỘNG VẬT ĂN THỊT VÀ ĂN CỎ

ĐỘNG VẬT CÓ VÚ VÀ ĐỘNG VẬT NGỦ ĐÔNG

CÁC ĐỘNG VẬT BẬC THẦY VỀ NGUY TRẠNG VÀ CÁC ĐỘNG VẬT SỐNG TRÊN THÂN CÂY

NHỮNG CON VẬT NUÔI LÀM KIỂNG VÀ NUÔI ĐỂ LÀM VIỆC

CÁC LOÀI CHIM BAY VÀ KHÔNG BAY

NHỮNG ĐỘNG VẬT ĐÃ TUYỆT CHỦNG VÀ ĐANG BIẾN MẤT

LỜI NÓI ĐẦU

Nhằm cung cấp cho bạn đọc kiến thức căn bản về động vật đa dạng có mặt xung quanh môi trường sống của chúng ta, chúng tôi sưu tập, biên dịch chú thích và giới thiệu đến bạn đọc thể loại sách này. Sách trình bày bao quát nhiều chủ điểm có liên quan đến thế giới động vật như sự tiến hóa của các động vật, động vật bò sát, lưỡng cư và cá, động vật chân đốt, động vật ăn thịt và ăn cỏ, động vật có vú và động vật ngủ đông v.v. Sách được trình bày dưới dạng song ngữ Anh-Việt.

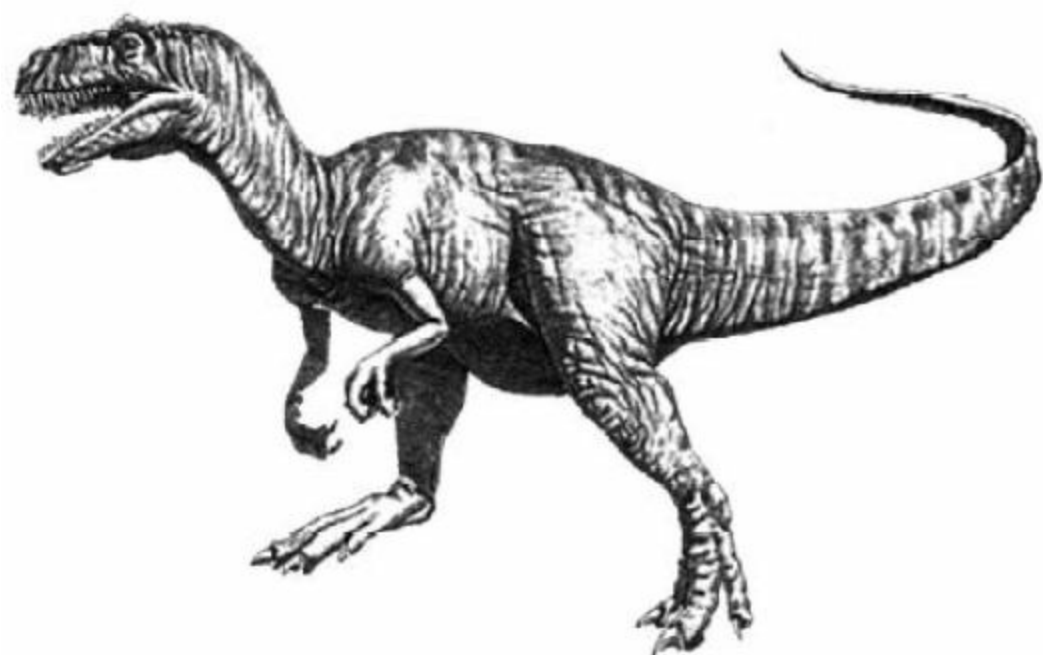
Cuối mỗi bài, sách có chú thích các cụm từ và mẫu câu nhằm giúp bạn đọc củng cố vốn từ vựng. Sách cũng có nhiều hình ảnh minh họa nhằm làm sáng tỏ và phong phú hóa một số nội dung.

Ngoài ra, để luyện kỹ năng nghe hiểu cho bạn đọc, chúng tôi có kèm đĩa CD gồm các bài đọc tiếng Anh, với nội dung được đọc chậm rãi để bạn đọc tiện theo dõi.

Hy vọng rằng với nội dung phong phú, bố cục mạch lạc, sách sẽ là nguồn tham khảo quý báu cho các bạn đọc.

Chúc các bạn thành công.





EVOLUTION OF ANIMALS

SỰ TIẾN HÓA CỦA CÁC LOÀI ĐỘNG VẬT

We know about living things on the earth from the fossils, which are the remains of dead plants and animals that turned into stones, gradually, over millions of years. From the remains we come to know that the oldest era, the Paleozoic era contained fossils ranging from many primitive life forms upto some of the earliest land dwelling animals. During this era fishes, amphibians and early reptiles appeared. The mesozoic era was the age of giant reptiles when dinosaurs stalked the world. The Cenozoic era in which we live is the age of mammals and birds. All fossils can be placed in this era.



Fossils
Hóa thạch

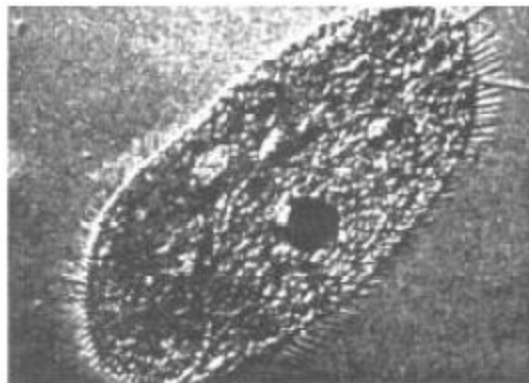
Chúng ta biết được về các sinh vật trên trái đất từ những hóa thạch, vốn là những tàn tích của các thực vật và động vật chết, đã biến đổi dần dần thành đá qua nhiều triệu năm. Từ những tàn tích, ta kết luận rằng đại địa chất cổ nhất đại Cổ sinh, có nhiều hóa thạch khác nhau, từ những dạng sống nguyên sơ cho đến một số động vật sống trên cạn gần đây hơn. Trong đại này, cá, động vật lưỡng cư và nhiều loài bò sát nguyên sơ đã xuất hiện. Đại Trung sinh là kỷ nguyên của nhiều loài bò sát khổng lồ, là thời kỳ mà khủng long tung hoành trên trái đất. Đại Tân sinh mà chúng ta đang sống là từ kỷ nguyên của các động vật có vú và chim. Tất cả các hóa thạch đều có thể được xếp vào trong đại này.

Life initially evolved in the sea. The earliest creatures were minute and

simple in their structure and were capable of reproducing. These living organisms were neither plants nor animals as their life was completely different from the life in the animal and plant kingdom at present.

Sự sống nguyên thủy đã tiến hóa trong đại dương. Những sinh vật nguyên sơ nhất rất nhỏ bé, với cấu trúc đơn giản và có khả năng sinh sản. Những cấu trúc sống này không phải là thực vật mà cũng không phải là động vật, vì sự sống của chúng hoàn toàn khác với sự sống của giới động vật và thực vật ngày nay.

The first microscopic life forms were like little balls of jellies known as flagellate, which with the help of sun's energy fed itself and grew. Flagellates were so tiny that they left no trace of their existence. It took many years for the flagellates to develop into half plant and half animal, then separately into plants and animal cells. By Palaeozoic Era animals like Jellyfish, Starfish, Sponges, Nautiloids also started appearing in the waters.



Flagellates
Khuẩn roi

Những dạng sống rất nhỏ đầu tiên giống như những khối cầu bằng thạch nhỏ được gọi là khuẩn roi, chúng tự nuôi bản thân và tăng trưởng nhờ năng lượng mặt trời. Khuẩn roi nhỏ đến mức chúng ta không còn lưu lại dấu vết gì về sự hiện diện của chúng. Khuẩn roi phải mất nhiều năm tiến hóa thành một dạng nửa thực vật nửa động vật, sau đó tách riêng ra thành các tế bào thực vật và tế bào động vật. Các động vật đại Cổ sinh như sứa, sao biển, ốc anh vũ cũng đã bắt đầu xuất hiện trong nước.

The earliest and simplest multicellular organisms were jellyfish, corals, sea anemones and hydroids. Their body had two layers ectoderm and endoderm

with groups of cells known as tissues which were specialised for digestion, movement, reproduction and coordination. Next advancement was the three layered body such as platyhelminthes, flatworms and Tape worms etc.

Gradually animal bodies became larger. Thus a proper circulation system was needed for the distribution of nutrients and removal of waste products from its body. Animals like annelid worms had hard mouth parts which they used for cutting food and earthworms fed itself by extracting nutrients from the soil.

The earthworm is divided into segments, each having blood vessels, nerve ganglia, muscles and an excretory system. Mollusk and echinoderms had effective circulatory system needed for the transportation of oxygen and nutrients in the body.

Most Mollusks are provided with gills which absorbs oxygen from water and releases carbon dioxide into water. The blood vessels running through gills bring in the oxygen.



Mollusk
Động vật thân mềm

Những sinh vật đa bào nguyên sơ và đơn giản nhất là sứa, san hô, cỏ chân ngỗng và thủy tức. Cơ thể của chúng có hai lớp ngoại bì và nội bì với những nhóm tế bào được xem như là những mô đã chuyển hóa cho việc tiêu hóa, cử động, sinh sản và phối hợp. Bước tiến hóa tiếp theo là những động vật có cơ thể ba lớp như sán lá, sán dẹp và sán dây, v.v.

Dần dần, cơ thể của các động vật trở nên lớn hơn, do vậy cần có hệ tuần hoàn

thỏa đáng cho việc phân phối các dưỡng chất và loại bỏ các chất thải khỏi cơ thể của chúng. Các động vật như giun đốt có những phần miệng cứng mà chúng sử dụng để cắt thức ăn, và giun đất tự kiếm ăn bằng cách hút các dưỡng chất từ đất.

Giun đất được chia ra thành nhiều đốt, mỗi đốt có các mạch máu, hạch thần kinh, cơ và một hệ ngoại tiết. Các động vật thân mềm và động vật da gai có hệ tuần hoàn hiệu quả cần thiết cho việc chuyển ôxy và các dưỡng chất trong cơ thể.

Hầu hết các loại động vật thân mềm có các mang để hấp thu ôxy từ nước và thải cacbon điôxít vào nước. Các mạch máu chạy khắp các mang để hấp thu ôxy.

Starfish, sea cucumbers, sea urchins fall under the category of echinoderm. A starfish turns its stomach inside out through the mouth to envelope the prey and digests the soft parts and sucks in the materials which can easily be digested.



Sea Cucumber
Hải sâm

Sao biển, hải sâm, cầu gai được xếp vào nhóm động vật da gai. Sao biển lộn mặt trong dạ của nó ra qua miệng để bao bọc con mồi và tiêu hóa các phần mềm và hút các chất liệu mà nó có thể một cách dễ dàng.

The circulatory system appeared since the time of evolution even in the earliest living cells, while powerful circulatory systems appeared in bigger animals. Life was gradually being created and more complex orders of animals developed.

Hệ tuần hoàn đã xuất hiện kể từ khi có sự tiến hóa, ngay cả trong những tế bào sống nguyên sơ nhất. Sự sống dần dần được tạo thành và những bậc động vật phức tạp hơn đã phát triển.

During the beginning of Palaeozoic Era armoured animals like crab and lobsters, trilobites developed. Later giant sea snails like nautiloids with long tentacles developed. It could crawl at the bottom of the sea and snatch its prey with its long tentacles. Then came the vertebrates.

Vào khoảng đầu đại Cổ sinh, những động vật giáp xác như cua và tôm hùm, bọt biển đã phát triển. Sau đó, những loài ốc biển khổng lồ như ốc anh vũ với những xúc tu đã phát triển. Nó có thể bò trên đáy biển và tóm lấy con mồi bằng các xúc tu dài. Kế sau đó là các động vật có xương sống.

These animals had a backbone and the higher order of animals started coming. The first vertebrates appeared - in the sea like, Atrypa reticularis. These were jawless and could only swallow tiny creatures. Fossils give evidence that the first fish appeared in the Ordovician period nearly 460,000,000 years ago. These were the most primitive jawless fish. Their mouths had a simple opening through which it fed on its food. Then came the fish with jaws, these were called placoderm.

The jaws evolved from gill arches which formed the bony support of the gills. Then evolved the present day fish, and later appeared new forms of fish with jaws and teeth. These animals were tiny but some of them were giantlike Dinichthys which were 6 metres in length. Fishes could breathe through the lungs and gills. Now we will discuss the appearance of animals on land.

Những động vật này có một xương sống và các động vật bậc cao hơn đã bắt đầu xuất hiện. Những động vật có xương sống bắt đầu xuất hiện ở biển như Atrypa reticularis. Đó là những động vật không có hàm và chúng chỉ có thể nuốt những sinh vật nhỏ li ti. Các hóa thạch đã cung cấp bằng chứng cho thấy rằng loài cá đầu tiên đã xuất hiện trong kỷ Ordovician cách đây gần 460.000.000 năm. Đó là loài cá không hàm nguyên sơ nhất. Miệng của chúng có một lỗ mở đơn giản qua đó chúng ăn thức ăn. Sau đó là loài cá có hàm, chúng được gọi là cá da vảy (placoderm).

Hàm cá đã tiến hóa từ những khung vành tạo thành phần khung đỡ của các

mang. Sau đó chúng đã tiến hóa thành loại cá ngày nay, và sau đó nữa đã xuất hiện những dạng cá mới, nhỏ, nhưng cũng có một số loài rất lớn như cá Dinichthys dài đến 6 mét. Cá có thể thở qua phổi và mang. Bây giờ, chúng ta sẽ bàn về sự xuất hiện của các động vật trên cạn.

Around 400 million years ago our planet Earth was covered with greenery which provided food and shelter to the land animals. The first land animals were spiders, cockroaches, millipedes, centipedes etc. Cockroaches were first to fly and soon others learnt to fly. It is interesting to know how the fish became amphibians? When the continents were raised many rivers and lakes dried up and most of the fish died while some survived and they dragged themselves with the help of their fins. Some stayed in wet lands while some moved to dry lands.



Khoảng 400 triệu năm trước đây, Trái đất của chúng ta được bao phủ bởi cây xanh cung cấp thức ăn và nơi cư trú cho các động vật trên cạn. Những động vật trên cạn đầu tiên là nhện, gián, rết, cuốn chiếu, v.v. Gián là những động vật bay đầu tiên và không bao lâu sau, các vật khác cũng học cách bay. Thật thú vị để tìm hiểu xem cá đã trở thành động vật lưỡng cư như thế nào? Khi các lục địa nhô cao lên, nhiều sông và hồ khô cạn và phần lớn cá bị chết trong khi có một số loại cá còn sống sót và chúng tự bò lên nhờ vào các vây của chúng. Một số loại ở lại trong những vùng đất ẩm trong khi một số các loại khác di chuyển vào những vùng đất khô.

This is how the first amphibious animals came into being. These amphibians

never moved far off from water as they didn't know to make hard shelled eggs which could be left on the ground.

Later they learnt to make hard shelled eggs. Dinosaurs, the gigantic reptiles, evolved from these amphibians during the Mesozoic era. Scientists have gathered information from their fossilized skeletons.

Their weight can be calculated by studying their bones. According to scientists these animals had very strong muscles and large digestive system based on the type of food they ate. They survived for about 150 million years. The first reptile was Seymouria a small animal. These reptiles quickly started multiplying themselves.



Đó là cách thức mà các động vật lưỡng cư đầu tiên đã tồn tại. Những loài lưỡng cư này không bao giờ di chuyển xa khỏi nước vì chúng không biết cách tạo ra những trứng có vỏ cứng có thể được để lại trên mặt đất.

Sau đó, chúng đã học cách tạo ra những trứng có vỏ cứng. Khủng long là những loài bò sát khổng lồ, đã tiến hóa từ những động vật lưỡng cư đó trong đại Trung sinh. Các nhà khoa học đã thu thập được những thông tin từ những bộ xương đã hóa thạch của chúng.

Trọng lượng của khủng long có thể được tính toán bằng cách nghiên cứu các xương của chúng. Theo các nhà khoa học, những động vật này có các cơ rất khỏe và hệ tiêu hóa lớn tùy theo loại thức ăn mà chúng ăn. Chúng đã sống sót trong khoảng 150 triệu năm. Loài bò sát đầu tiên, Seymouria, là một động vật nhỏ. Những loài bò sát này đã bắt đầu sinh sôi nảy nở nhanh chóng.

It was during this period that tortoise and other small reptiles evolved. Cynognathus was the first animal to have warm blood in its veins. During Mesozoic Era Saltoposuchus, a small reptile also evolved.

Chính trong thời kỳ này, rùa và những loài bò sát khác đã tiến hóa. Cynognathus là động vật đầu tiên có máu nóng trong các huyết quản. Trong đại Trung sinh, một loài bò sát nhỏ là Saltoposuchus đã tiến hóa.

It had learnt to stand and walk on its muscular hind legs; it even used its clawed fingers to grab its prey. After dinosaurs birds and crocodiles also evolved. Various reptiles appeared and developed the ability to glide but only pterosaur could develop true flight.

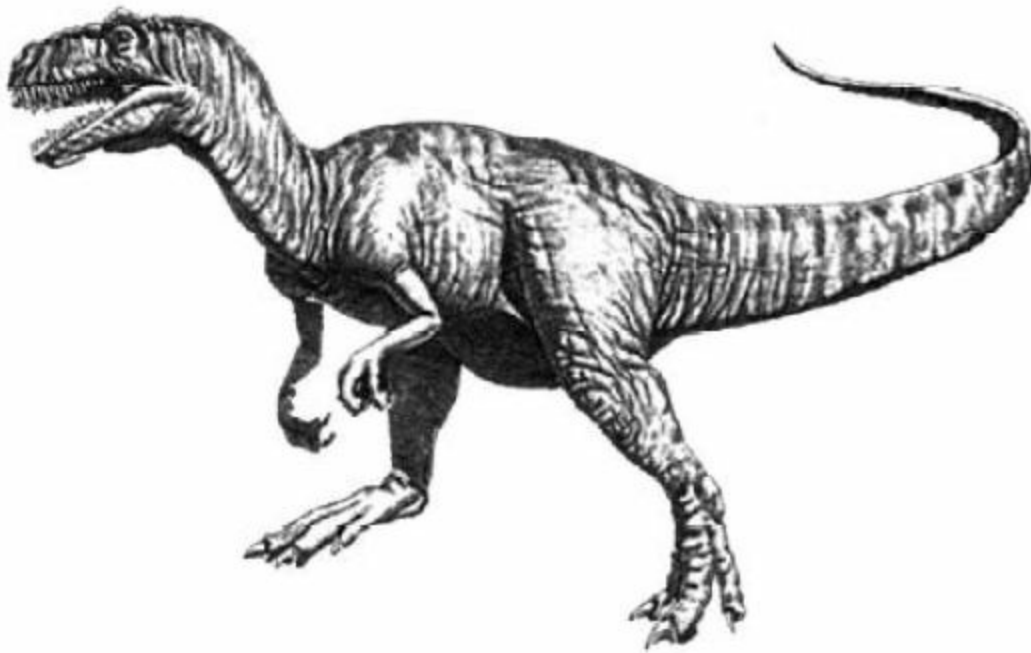
They had short arms and their wings were supported by an enormous long fourth finger while the other fingers moved freely. Their body was extremely light having hollow bones and they were efficient flyers. They did not have feathers and their large wings were more like a bat with fur on their body which made them warm blooded. Archaeopteryx, which lived during the days of dinosaurs, was as big as a pigeon but it was a mixture of both bird and reptile. It had movable claws, fingers on its wings, with twenty individual joints on its tail. It had a toothed jaw, and its body was covered with feathers. Later on giant birds appeared with savage beaks.

Nó đã biết đứng và đi trên các chân sau có nhiều cơ bắp; thậm chí nó còn sử dụng các ngón tay có móng vuốt để tóm lấy con mồi. Sau khủng long, chim và cá sấu cũng đã tiến hóa. Nhiều loài bò sát khác nhau đã xuất hiện và phát triển khả năng bay lượn, nhưng chỉ có thằn lằn bay (pterosaur) là phát triển được khả năng bay thực sự.

Chúng có những cánh tay ngắn và các cánh của chúng được nâng đỡ bởi một ngón thứ tư rất lớn, trong khi các ngón tay khác chuyển động tự do. Cơ thể của chúng cực nhẹ và chúng là những loài thú bay rất giỏi. Chúng không có các lông vũ và những cánh lớn của chúng cử động giống như dơi, với bộ lông trên cơ thể khiến cho chúng có máu nóng. Chim thủy tổ vốn đã sống cùng thời kỳ với khủng long, lớn như chim bồ câu nhưng là một loài hỗn hợp giữa chim và bò sát. Có các móng vuốt chuyển động được và có cơ thể được bao bọc bằng lông vũ. Sau đó những loài chim khổng lồ có mỏ hung dữ đã xuất hiện.

They were incapable of flying but could run at an alarming speed. Nearly 70 million years ago, a great giant bird named Onactornis lived. Its height was 3 metres with a 40 centimetre long beak. Its prey included large mammals. It

tore their stomach, killed them and fed on them. Then came the mammals, they appeared during the age of dinosaurs. The true mammals appeared during the Trisassic period. These mammals were small and once the dinosaurs died out the mammals grew gigantic. They were more intelligent than dinosaurs.



Chúng không có khả năng bay nhưng có thể chạy với một vận tốc kinh hoàng. Gần 10 triệu năm trước, một loài chim khổng lồ là Onactornis đã sinh sống. Nó cao đến 3 mét và có mỏ dài 40 centimét. Mồi của chúng gồm cả những động vật có vú lớn. Nó xé rách da dày con mồi, giết chúng chết và ăn thịt. Sau đó, đến các động vật có vú, chúng xuất hiện trong thời kỳ khủng long. Những động vật có vú thật sự đã xuất hiện trong kỷ Triat. Những động vật có vú này nhỏ và khi khủng long đã tuyệt chủng, các động vật có vú phát triển mạnh mẽ. Chúng thông minh hơn khủng long.

These animals were warm blooded and had a maternal instinct which made them to look after their babies until they were ready to stand on their own feet. These animals were known as mammals as they had mammae or milk glands by which they fed their young ones.

Những động vật này có máu nóng và có bản năng làm mẹ, giúp cho chúng biết trông con cho đến khi con của chúng có thể tự lập được. Những động vật

này được gọi là động vật có vú và chúng có nhiều vú hay các tuyến sữa để nuôi con.

Mammals developed from small rodents to herbivores and carnivores. Some of the ancient mammals were prodiacoon, a primitive hedgehog, Taeniolabisi etc. while some of the giant mammals, Baluchitherium, were a huge rhinoceros of Oligocene period. Even human beings belong to a group of mammals known as primates. Early man was like an ape with long arms and walked upright.



Các động vật có vú đã phát triển từ những loài gặm nhấm nhỏ thành những động vật ăn cỏ và động vật ăn thịt. Một số động vật có vú cổ xưa là prodiacoon, một loài nhím nguyên sơ, Taeniolabisi, v.v. trong khi một số động vật có vú khổng lồ như baluchitherium, một loài tê giác khổng lồ trong kỷ Oligocene. Ngay cả con người cũng thuộc về một nhóm động vật có vú gọi là linh trưởng. Người nguyên thủy giống như một con vượn người lớn với hai tay dài và bước đi thẳng đứng.

They were replaced by Homo erectus which had heavier jaws, bony ridges and a sloping forehead. Later on, these Homo erectus developed into Homo sapiens, the present day man.

Người nguyên thủy đã được thay thế bởi người Homo erectus (người đứng thẳng) có các hàm khỏe hơn, có đường nét xương xấu và trán nghiêng. Về sau, người Homo erectus đã phát triển thành người Homo sapiens, là loài người hiện nay.

INTERESTING FACTS

Sự kiện đáng chú ý

It was thought earlier that dinosaurs laid their eggs in isolation. But in 1978 a remarkable find was made in Montana, U.S.A., Fifteen Maisaurus babies were found scattered around a large mound shaped structure, together with broken egg shells. The nest was about 2 metres across and covered with vegetation.

Lúc đầu, người ta đã nghĩ rằng khủng long đẻ từng trứng riêng lẻ. Nhưng vào năm 1978, một phát hiện quan trọng đã được thực hiện ở Montana, Hoa Kỳ: mười lăm con khủng long Maisaurus con đã được tìm thấy rải rác quanh một cấu trúc lớn dạng gò đất, với những vỏ trứng vỡ. Cái tổ rộng khoảng 2 mét bề ngang và được bao phủ bằng cây cỏ.

CHÚ THÍCH TỪ VỰNG

Fossils:*hóa thạch*

Flagellate:*khuẩn roi*

Mollusk:*động vật thân mềm nhuyễn thể*

Cockroach:*gián*

Dinosaur:*khủng long*

Archaeopteryx:*chim thủy tổ*

Amphibian:*động vật lưỡng cư*

Paleozoic era: *đại Cổ sinh*

Mesozoic era: *đại Trung sinh*

Cenozoic era:*đại Tân sinh*

Flatworm:*sán dẹt*

Blood vessels:*các mạch máu*

Nerve gangila:*hạch thần kinh*

Muscles:*cơ*

Excretory system:*hệ ngoại tiết*

Echinoderm:*động vật da gai*

Starfish: *sao biển*

Sea cucumber:*hải sâm, dưa biển*

Sea urchin: *cầu gai*

Circulatory system: *hệ tuần hoàn*

Armoured animal:*động vật giáp xác*

Crab:*cua*

Lobster: *tôm hùm*

Trilobite:*bọ ba thùy*

Sea snail:*ốc biển*

Nautiloid:*ốc anh vũ*

Tentacles:*xúc tua*

Jaw:*hàm*

Lung:*phổi*

Spider:*nhện*

Millipedes:*rết*

Centipedes:*cuồn chiểu*

Skeleton:*bộ xương*

Warm blood:*máu nóng*

Vein:*huyết quản*

Crocodile: cá sấu

Rhinoceros:*tê giác*

Primate:*động vật linh trưởng*

ARTHROPODS

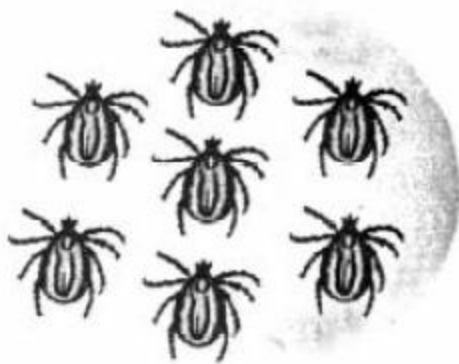
ĐỘNG VẬT CHÂN KHỚP

Animals with joined legs are called arthropods. They have tough hard skin known as exoskeleton. The skeleton does not grow with them thus they shed their covering of their body while growing. Arthropods have been classified into Arachnids, Crustaceans, insects and Myriapods.

Các động vật có chân nối được gọi là các động vật chân khớp. Chúng có lớp da dai cứng được gọi là bộ xương ngoài (exoskeleton). Bộ xương này không lớn lên theo con vật, do đó chúng thay lớp vỏ bọc cơ thể khi lớn lên. Các động vật chân khớp được phân loại thành lớp nhện (aracchinoid), giáp xác (crustacean), côn trùng (insect) và động vật nhiều chân (Myrapod).

1 ARACHNIDS

There are nearly 70,000 species of arachnids. These include spiders, ticks, mites and scorpions. They are keen observers and can spot their prey easily. They are found mostly on land. Their body is divided into two parts and has four pairs of legs. They cannot fly as they do not have wings.



Ticks - Tích

Động vật thuộc lớp nhện

Có gần 70.000 loài động vật lớp nhện. Chúng gồm nhện, tích, ve và bò cạp. Chúng là những con vật giỏi quan sát và nhận ra con mồi một cách dễ dàng.

Chúng được tìm thấy chủ yếu là trên cạn. Cơ thể của chúng chia làm hai phần và chúng không có cánh.

Spider - There are about 30,000 species of spiders and 20,000 are yet to be identified. Some of the species are harmful to man like brown recluse, black widow, brown widow and tarantula. A spider, known as wolf spider and found in Southern Europe is very dangerous. If it bites a person he will die on the spot.

Generally a spider eats insects by trapping them in their silk webs. Some can eat birds and thus they are known as bird eating spiders. These spiders' body can, grow upto 9 cm in length.

Spiders cannot chew; they can only drink liquids.



Spider
Nhện

Nhện – Có khoảng 30.000 loài nhện và có hơn 20.000 loài đã được nhận diện. Một số loài nhện gây hại cho người như nhện ẩn cư nâu, goá phụ đen, goá phụ nâu và nhện tarantula. Một loài nhện được gọi là sói cái goá, được tìm thấy ở Nam Âu, rất nguy hiểm. Nếu bị nó cắn, nạn nhân sẽ chết ngay tại chỗ.

Nói chung nhện giăng côn trùng bằng cách giăng bẫy côn trùng trong các mạng nhện. Một số loài nhện có thể ăn chim và do vậy chúng được gọi là nhện ăn chim. Thân của những con nhện này thể dài đến 9 cm.

Nhện không nhai được chúng chỉ có thể hút các chất lỏng.

Scorpions - Scorpions are more dangerous than spiders. All scorpions have a sting at the end of their curved tails on their back. They grab their prey with clawlike pincers and sting their prey. They feed mainly on spiders, insects and other scorpions. They are mostly found in hot and dry places. They are ferocious animals and lead solitary lives. They are usually black or yellowish in colour. Most scorpions are harmless though its sting is painful and dangerous which may even lead to death.



Bò cạp – Bò cạp nguy hiểm hơn nhện. Tất cả các loài bò cạp đều có ngòi chích ở cuối của chiếc đuôi cong lên phía trên lưng của chúng. Chúng bắt giữ con mồi bằng các càng kẹp và chích con mồi. Chúng ăn chủ yếu là nhện, côn trùng và các loài bò cạp khác. Bò cạp được tìm thấy chủ yếu ở những nơi nóng và khô. Chúng là những con vật hung hăng và sống đơn độc. Chúng thường có màu đen hay vàng. Hầu hết các loài bò cạp là vô hại mặc dầu vết chích của chúng gây đau đớn và nguy hiểm, thậm chí có thể gây chết người.

2 CRUSTACEANS

Crustaceans live in water except woodlouse which is found on land. These species have plated body and more than five pair of legs and two pair of antennae on their head. Most of the crustaceans have gills. Crabs, lobster and shrimps fall under this category.

Loài giáp xác

Động vật giáp xác sống trong nước, chỉ trừ rệp gỗ được thấy trên cạn. Những loài này có thân dẹp và có nhiều hơn năm đôi chân và hai đôi xúc tu trên đầu. Hầu hết các loài giáp xác đều có các mang. Cua, tôm hùm và tôm nằm trong nhóm phân loại này.

Crabs - Crabs are around 5,700 species of crabs, Most of them live in the sea while some are found in fresh water. It has a hard shell and a flat body.

The abdomen is located under the shell at the back of its body. A pair of antennae and tiny hairs are present along its mouth to help it to touch, smell and taste. They breathe through their gills present inside the shell at the tip of each leg. Its shell is known as a carapace, and protects it from its enemies.

The strong pincers present on its body also help it to protect itself against enemies and in tearing its prey. It has five pair of legs which it uses for locomotion. Crabs walk sideways and have movable eyes.



Crab
Cua

Cua – Có khoảng 5,700 loài cua. Hầu hết đều sống ở biển, trong khi có một số loài được tìm thấy ở nước ngọt. Nó có lớp vỏ cứng và thân dẹp.

Bụng cua nằm bên dưới lớp vỏ trên lưng của nó. Có một cặp xúc tu và những lông nhỏ li ti ở miệng cua để giúp cho chúng sờ, ngửi và nếm. Chúng thở bằng mang ở dưới vỏ gần đầu mút của mỗi chân. Vỏ cua được gọi là mai cua,

vỏ này bảo vệ cua khỏi các kẻ thù của nó.

Các càng kẹp khỏe có trên thân cua cũng giúp cho nó tự bảo vệ chống lại những kẻ thù và để xé con mồi. Cua có năm đôi chân mà nó sử dụng để di chuyển. Cua bò ngang và có những con mắt chuyển động được.

Lobster - Lobsters do not feed on dead sea creatures. Their claws are fearsome in appearance and they use it for cutting and grinding food.

Atlantic lobster weighs nearly 20 kilograms. Lobsters move forward by beating swimmerets situated under their abdomen.

They are gradually becoming extinct due to water pollution.



Tôm hùm – Tôm hùm không ăn các động vật biển chết. Càng của chúng có hình dạng đáng sợ và chúng sử dụng càng để cắt và nghiền thức ăn.

Tôm hùm Đại Tây Dương nặng đến 20 kí. Tôm hùm di chuyển về phía trước bằng cách đập những tấm vây bơi nằm bên dưới bụng của chúng.

Chúng đang dần dần bị tuyệt chủng do sự ô nhiễm nước.

3 INSECTS

Insects can adapt to any habitat very easily and have conquered most of the part of the earth except the poles and oceans.

They are small creatures and their body is divided into three parts - head, thorax and abdomen with a pair of antennae, eyes and mouthparts that are

located on its head. It has two pair of wings attached to the thorax or mid part of its body. Its legs are very flexible. They are the largest varied form of animal life. An insect does not have bones but its outer shell is rather like a suit of armour. Its eyes are unusual as it is made up of tiny lenses.

Each eye is a collection of many eyes. Like other animals insects also lay eggs. When these insects hatch, larva like animals come out and gradually they form insects. The larva of a butterfly is called a caterpillar. Insects like grasshopper and dragonflies do not produce larva, instead they produce nymph which looks like miniature wingless insects. Insects feed both on plants and animals.

Côn trùng

Côn trùng có thể thích nghi rất dễ dàng với bất cứ sinh cảnh nào và đã chinh phục hầu hết mọi nơi trên trái đất, chỉ trừ ở các địa cực và đại dương. Chúng là những sinh vật nhỏ và thân của chúng được chia thành ba phần đầu, ức và bụng, với một cặp xúc tu, mắt và những miệng ở trên đầu. Côn trùng có hai cặp cánh gắn vào ức hoặc phần giữa của thân. Chân của chúng rất linh hoạt. Chúng là dạng sinh vật thay đổi khác nhau nhiều nhất trong thế giới động vật. Côn trùng không có xương nhưng lớp vỏ ngoài của chúng khá giống như một chiếc áo giáp. Mắt của côn trùng khác thường vì mắt được cấu tạo từ những thấu kính nhỏ li ti.

Mỗi mắt là một tập hợp nhiều mắt đơn. Như các động vật khác, côn trùng cũng đẻ trứng. Trứng nở ra những ấu trùng và ấu trùng dần dần hình thành côn trùng. Ấu trùng của bướm được gọi là sâu bướm. Các côn trùng như châu chấu và chuồn chuồn không tạo ra ấu trùng mà chúng đẻ ra những con côn trùng không có cánh thu nhỏ. Côn trùng ăn cả thực vật và động vật.

Social insects - Social insects live together in large groups or colonies. Ants, termites, bees and wasps are some examples of social insects. They build large nests.

They are very active, as some are food collectors, some builders, some protect the colonies while some breed more insects. Insects communicate with each other in different ways. Some pass messages by chirping while some rub their legs on their wings.

Côn trùng sống thành xã hội – những loài côn trùng sống thành xã hội sống cùng nhau thành những nhóm hay quần thể lớn, ong và ong bắp cày là một số ví dụ về côn trùng sống thành xã hội. Chúng xây tổ lớn.

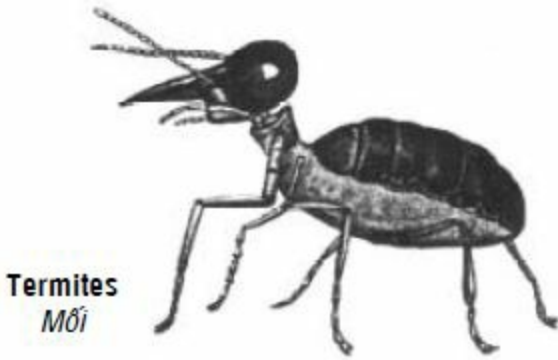
Chúng là những con vật rất hoạt động, một số con kiếm thức ăn, một số là thợ xây bảo vệ cho quần thể trong khi một số khác sinh sản. Côn trùng liên lạc với nhau theo những cách khác nhau. Một số loài truyền thông điệp bằng cách kêu chíp chíp trong khi một số loài khác cọ đôi chân của chúng vào cánh.

Giant stick - The giant stick of Indonesia is the longest insect found in the world. It is very difficult to detect them as they look very similar to twigs on the trees. They do not make any movement during daytime. It is only during night that they become active.



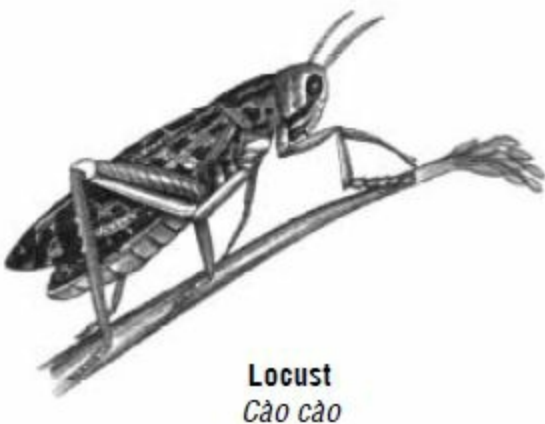
Bọ que khổng lồ – Bọ que khổng lồ ở Indonesia là loài côn trùng dài nhất đã được phát hiện trên thế giới. Rất khó để phát hiện ra bọ que vì chúng trông rất giống các nhánh cây trên cây. Bọ que không cử động vào ban ngày. Chúng chỉ trở nên hoạt động vào ban đêm.

Termites -Termites usually live in underground colonies. They are even known as white ants and resemble cockroaches. They make amazing mounds. Termite queens live upto 50 years. They can be threat to people's homes particularly to paper, clothes and furniture. Some of the termites even eat wood, though cellulose in the wood is hard to digest, they are provided with special organisms in their stomachs which digests cellulose.



Mối – Mối thường sống thành những quần thể dưới đất. Chúng thậm chí còn được gọi là kiến trắng và giống như gián. Chúng tạo thành những gò mối đáng kinh ngạc. Mối chúa sống lâu đến 50 năm. Chúng có thể là mối đe dọa cho nhà cửa của con người, đặc biệt là đối với giấy, áo quần và đồ gỗ. Một số loài mối thậm chí còn ăn gỗ. Mặc dầu cellulose trong gỗ là khó tiêu hoá, nhưng mối có những cơ quan đặc biệt trong dạ dày của chúng để tiêu hoá cellulose.

Locust - Locust is one of the larger varieties of grasshopper. Migratory locusts are fearsome pests as they destroy the crops. Some locusts can eat their body weight as everyday meal.



Cào cào – Cào cào là một trong những giống lớn của họ châu chấu. Cào cào di trú là những sinh vật gây hại đáng sợ vì chúng phá huỷ mùa màng. Một số loài cào cào có thể ăn bằng trọng lượng cơ thể của chúng mỗi ngày.

Honey bee - Honey bee live in colonies and perform specific jobs. The honey

bee colony consists of one queen and thousands of worker bees. They live in beehives. A queen bee lays more than 1,500 eggs in a day and 250,000 eggs in a season and more than 1,000,000 eggs in its lifetime. Bees generally live for one or two years except the queen who lives for nine years. Bees swallow nectar that they gather from the flowers and special enzymes combine with nectar in honey bees' stomach. The water present in a nectar evaporates. After evaporation the honey can remain in the hive for a long time without getting spoilt. This honey gets stored as food for future. Bees get attracted to the bright colours and smell of the flower and they generally fly around the area of a hive looking for sources.



Honey bee
Ong mật

Ong mật – Ong mật sống thành những quần thể và thực hiện những công việc chuyên biệt. Quần thể ong mật gồm một ong chúa và nhiều ngàn ong thợ. Chúng sống trong những tổ ong. Một con ong chúa đẻ ra hơn 1.500 trứng mỗi ngày và 250.000 trứng trong một mùa, và hơn 1.000.000 trứng trong cuộc đời của nó. Ong thường sống từ một đến hai năm, ngoại trừ ong chúa sống lâu đến chín năm. Ong nuốt phấn hoa mà chúng gom góp từ những bông hoa và có những enzym đặc biệt kết hợp với phấn hoa bên trong dạ dày của ong. Nước có trong phấn bay hơi. Sau khi đã thoát hơi nước, mật ong có thể được giữ lại trong tổ ong một thời gian dài mà không bị hư hỏng. Mật này được cất giữ làm thức ăn trong tương lai. Ong bị thu hút bởi những màu sắc sáng và mùi của hoa và chúng thường bay quanh khu vực tổ ong để tìm kiếm nguồn thức ăn.

Ants -Ants usually nest underground which consists of several rooms, tunnels and chambers. These chambers act as stores and nurseries where eggs

are hatched. Ants generally love sweet things. The honey dew produced by aphids is liked by certain ants. The ants protect the aphids from predators such as lady brigs an d in return the ants collect the honey dew secreted by aphid bodies.



Ant
Kiến

Kiến – Kiến thường làm tổ dưới mặt đất, tổ kiến gồm nhiều phòng, đường hầm và buồng nhỏ. Những buồng nhỏ này có tác dụng như những nhà kho và nơi nuôi dưỡng kiến non khi trứng kiến nở ra. Kiến thường ưa những đồ ngọt. Chất dịch ngọt do rệp vừng tạo ra được một số loài kiến ưa thích. Kiến bảo vệ rệp vừng khỏi những con vật săn mồi như bọ rùa và bù lại kiến góp nhặt dịch ngọt tiết ra từ cơ thể của những con rệp vừng.

4 MYRIAPODS

There are nearly 3,000 species of centipedes and 8000 species of millipedes. Both of these species belong to this group.

Động vật nhiều chân

Có gần 3.000 loài rết và 8.000 loài cuốn chiếu. Cả hai loài này đều thuộc về nhóm động vật nhiều chân.

Millipedes -The word millipede means 1,000 legs. They main feed on vegetable matter. Thev are found in the soil. They can defend themselves by rol ling themselves into balls. Some of these animals have stink glands and can detect the attackers.



Cuốn chiếu – Từ “milipede” có nghĩa là ngàn chân. Cuốn chiếu ăn chủ yếu là chất liệu thực vật. Cuốn chiếu có trong đất. Chúng có thể tự bảo vệ bằng cách tự cuộn mình lại thành những khối tròn. Một số loài cuốn chiếu có những tuyến mùi hôi và có thể phát hiện những con vật tấn công.

Centipede - Centipede do not have more than 40 legs. They are flesh eaters and can eat each other if given the opportunity.

Rết – Rết không có nhiều hơn 40 chân. Chúng là những con vật ăn thịt và có thể ăn lẫn nhau khi có cơ hội.

INTERESTING FACTS.

Sự kiện đáng chú ý

African stick insect is the longest insect and can grow upto 40 cm long. Flies find their food not with their noses but with the help of their antennae. Insects have no voice, they produce sound by their wings or legs.

Bọ que Phi châu là côn trùng dài nhất, nó có thể dài đến 40 cm. Ruồi kiếm ăn không phải bằng mũi mà bằng các xúc tu. Côn trùng không có giọng, chúng tạo ra âm thanh bằng cánh hoặc chân của chúng.

CHÚ THÍCH TỪ VỰNG

Silk web:*mạng nhện*

Woodlouse:*con mối*

Hard shell:*vỏ cứng*

Flat body:*thân dẹp*

Grinding:*nghiền nát*

Flexible:*linh hoạt*

Tiny lense:*thấu kính nhỏ li ti*

Butterfly:*bướm*

Grasshopper:*châu chấu*

Worker bee:*ong thợ*

Spider:*nhện*

Lobster:*tôm hùm*

Giant stick:*bọ que khổng lồ*

Locust:*cào cào*

Ant:*kiến*

Crustacean: *động vật giáp xác*

Antennae: *xúc tua*

Pincer: *càng*

Abdomen: *bụng*

Insect: *côn trùng*

Outer shell:*lớp vỏ bên ngoài*

Larva:*ấu trùng*

Caterpillar: *sâu bướm*

Dragonflies: *chuồn chuồn*

Tick: *tích*

Crab: *cua*

Scorpion: *bò cạp*

Termites: *mối*

Honey bee: *ong mật*

Millipede and centipede: *cuồn chiếu và rết*

CARNIVORES AND HERBIVORES

ĐỘNG VẬT ĂN THỊT VÀ ĂN CỎ

1 CARNIVORES

Carnivores are animals that eat meat. The biggest land carnivores are Bear and Big Cats while in the ocean Great Sharks are powerful predators. Some of the carnivores are discussed here.

Các động vật ăn thịt

Động vật ăn thịt là những loài thú ăn thịt. Động vật ăn thịt trên cạn lớn nhất là gấu và những loài mèo lớn, trong khi cá mập lớn ở đại dương là những động vật săn mồi mạnh mẽ. Một số loài động vật ăn thịt được nói đến dưới đây:

Tiger - Tigers are mainly found in Siberia and South East Asia. They generally rest among tall grasses, in caves or shallow waters. They have an excellent sense of hearing by which they locate their prey. They usually hunt deer, antelopes, wild pigs etc. An adult male tiger weighs nearly 200 - 230 kg while females are smaller.

Deforestation has threatened their survival. Their orange and black stripes help them to camouflage in dry grasses of grassland.



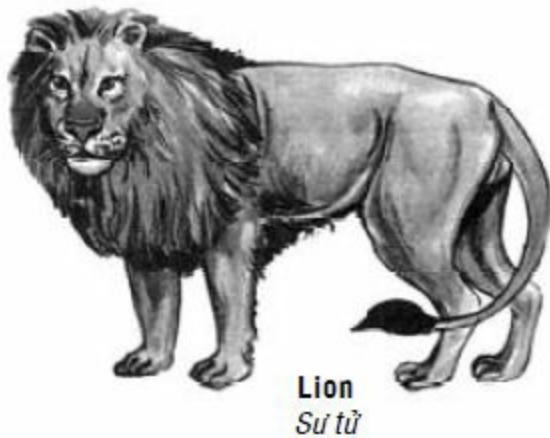
Hổ – Hổ được thấy chủ yếu ở Siberia và Đông Nam Á. Chúng thường ở trong những vùng cỏ cao, trong các hang động hay vùng nước nông. Hổ có thính giác rất tốt mà chúng sử dụng để xác định vị trí của con mồi. Chúng thường săn hươu, tuần lộc, heo rừng, v.v. Một con hổ đực trưởng thành nặng gần 250 kg trong khi hổ cái thì nhỏ hơn.

Việc phá rừng đã đe dọa sự sống còn của loài hổ. Những sọc màu cam và đen giúp cho hổ ngụy trang trong những đám cỏ khô của những cánh đồng cỏ.

Lion - Lions are regarded as symbol of power and strength. They are very powerful animals in the jungle. They are often referred to as the king of the jungle because they attack swiftly and the victim doesn't get time to defend itself. A lion is a carnivorous animal and it kills mainly giraffe, wild buffaloes, zebra, deer, bear and jackal etc. with its paws and teeth. The lion lives in familygroups known as prides. A pride generally has three males, fifteen females and their young ones.

It is the lioness that usually hunts though males are the first ones to the have share. Female hunt alone or in pairs. Lions rest during day time and hunt during night. It doesn't attack the elephants and hippopotamus but whenever it gets opportunity it even kills human beings. A lioness has two to five cubs which are born blind. These cubs, when become a year old, start hunting for themselves. Though, lions belong to cats family they are unable to climb

trees.



Sư tử – Sư tử được xem như là biểu tượng của sức mạnh và sức bền. Chúng là những con vật mạnh mẽ trong rừng rậm. Sư tử thường được xem như là chúa tể của rừng rậm vì chúng tấn công nhanh nhẹn và nạn nhân của chúng không có thời gian để tự vệ. Sư tử là một động vật ăn thịt và nó giết con mồi, chủ yếu là hươu cao cổ, bò rừng, ngựa vằn, hươu, gấu và chó sói, v.v. bằng móng vuốt và răng. Sư tử sống thành những nhóm theo gia đình.

Sư tử cái săn mồi một mình hay theo từng cặp. Sư tử nghỉ ngơi vào ban đêm. Nó không tấn công voi và hà mã, trừ khi có dịp, nó thậm chí còn giết người. Sư tử cái sinh từ hai đến năm con, sư tử con chưa nhìn được khi sinh ra. Những con sư tử con này khi được một năm tuổi sẽ bắt đầu tự săn mồi. Mặc dù sư tử thuộc về họ mèo, nhưng chúng không có khả năng leo cây.

Brown Bear - The brown bear is sometimes known as grizzly bear. It is found in North America. It is usually brown in colour with a hump on its shoulders. It occupies a wide range of habitats including dense forests, sub-alpine mountains areas and the tundras. The young ones are born from January to March and the cubs remain with their mothers for three years. Brown bears live as lone individuals except females who get company by their cubs. They mainly feed on vegetation such as grass, bulbs, etc. Apart from this they even feed on small mammals, fish, ants etc. In some areas they have become significant predators of large hoofed mammals such as caribou and elk.



Brown Bear
Gấu nâu

Gấu nâu – Gấu nâu đôi khi được gọi là gấu xám. Gấu nâu được thấy ở Bắc Mỹ. Nó thường có màu nâu và có một cái bướu trên vai. Gấu nâu sống trong nhiều sinh cảnh khác nhau, từ những khu rừng rậm, những vùng núi cận ôn đới và những đài nguyên Bắc cực. Gấu non được sinh ra từ tháng Giêng đến tháng Ba và gấu con ở cùng với mẹ trong ba năm. Gấu nâu sống như những cá thể đơn độc, chỉ trừ những con gấu con đi kèm. Chúng ăn chủ yếu là thực vật như cỏ, củ, v.v. Ngoài ra, chúng còn ăn một số động vật có vú nhỏ, cá, kiến, v.v. Ở một số vùng gấu nâu đã trở thành những con vật săn mồi đáng ngại đối với một số động vật có vú và có móng guốc như tuần lộc và nai sừng tấm.

Walrus - Walrus is found in the arctic ice sheet, near James Bay and the Labrador coast. An adult weighs about 760 kg while some of the Pacific bulls can attain the weight of almost 1350 kg. They move very slowly on the land, but are quite graceful and more belligerent in water. Walrus is a large, noisy mammal that spends most of its life in the sea. The Walrus has a reddish brown fur which grows upto 14 feet long and weighs upto 2,000 pounds. The two tusks can grow to be over 3 feet long. Both male and female have tusks, the males have slightly longer tusks.

Walruses have air sacs in their throat that allow, their heads to stay above water and these sacs act as a life preserver. A thick layer of fat on its body

insulates against the cold Arctic waters. The whiskers help the walrus to have sense of touch. They mostly eat calms, snails, mussels, worms, sea cucumbers and other animals present on the sea floor.

Walruses are often hunted by polar bears any killer whales. The walrus hides are used for boat coverings and for thongs and dog traces. They bones and tusks are used for weapons, tools and carvings.



Walrus
Hải mã

Hải mã – Hải mã được thấy trên những tảng băng Bắc cực, gần vịnh James và bờ biển Labrador. Hải mã trưởng thành nặng khoảng 760 kg trong khi một số hải mã Thái Bình Dương có thể nặng đến gần 1.350 kg. Trên cạn, chúng chuyển động chậm chạp, nhưng khá nhanh nhẹn và hiếu chiến hơn khi ở trong nước. Hải mã là một động vật có vú lớn, ồn ào, sống phần lớn thời gian ở biển. Hải mã có bộ lông màu nâu đỏ, nó dài đến 14 feet và nặng đến 2.000 pound. Hai răng nanh của hải mã có thể mọc dài trên 3 feet. Cả con đực và con cái đều có nanh, nanh của con đực hơi dài hơn.

Hải mã có những túi không khí trong họng cho phép chúng giữ đầu bên trên mặt nước và những túi khí đó có tác dụng như một phao cứu sinh. Một lớp mỡ dày trên cơ thể cách nhiệt cho cơ thể khỏi cái lạnh của nước biển Bắc cực. Các ria giúp cho hải mã có xúc giác. Chúng chủ yếu ăn ốc sên, trai, sâu bọ, hải sâm và các động vật khác ven biển.

Hải mã thường bị gấu Bắc cực và cá heo săn mồi săn bắt. Da hải mã được sử dụng để làm lớp vỏ bọc tàu thuyền và làm dây đai da và dây buộc chó kéo xe. Xương và nanh của chúng được sử dụng làm vũ khí, công cụ và để chạm khắc.

Wolf - Wolves are mostly found in North America, Northern Europe and Asia. Their territories can be large or small to wherever they stay, they stay away from human beings. They are meat eaters. They feed on small birds, mice, goats, sheep and deer. They generally go after the ill or sick and kill them. Wolves kill their prey effectively due to their incredible jaws. They generally live in family groups known as packs, which consists of 8 to 9 wolves. Wolves like other animals communicate by scent marking and leaving and feces on the trees or rocks. Domestic dogs are closely related to wolves.



Chó sói – Chó sói phần lớn được tìm thấy ở Bắc Mỹ, Bắc Âu và Châu Á. Lãnh thổ của chúng có thể lớn hay nhỏ, nhưng ở bất cứ nơi nào mà chúng sinh sống, chúng đều sinh sống cách xa con người. Chó sói là những động vật ăn thịt. Chúng ăn những loài chim nhỏ, chuột, dê, cừu và hươu. Chó sói thường theo đuổi những con vật ốm yếu hay bệnh tật và giết chết những con vật này. Chó sói giết con mồi của mình một cách hiệu quả nhờ vào hai hàm khỏe lạ thường. Chúng thường sống thành những nhóm theo gia đình gọi là bầy sói, mỗi bầy gồm từ 8 đến 9 con. Cũng giống như các động vật khác, chó sói liên lạc bằng cách đánh dấu mùi và để lại phân và nước tiểu trên những thân cây hay hòn đá. Chó nhà có quan hệ gần gũi với chó sói.

Shark - Sharks have tiny dimples in front of their head which help them to sense electricity produced by hiding animals and hunting them. Their body is

made up of cartilage and not bones. They are considered to be active hunters. They have sharp teeth on both jaws. The great white shark are the biggest hunters.

Cá mập – Cá mập có những đường gợn lõm rất nhỏ ở trước đầu, giúp cho chúng cảm nhận được dòng điện do những con vật ẩn nấp tạo ra và săn bắt những con vật này. Cơ thể của cá mập được cấu tạo bằng sụn chứ không phải là xương. Chúng được xem như là những con vật săn mồi tích cực. Chúng có những cái răng sắc bén trên cả hai hàm. Cá mập trắng lớn là những con vật săn mồi lớn nhất.

2 HERBIVORES

Herbivores are those animals whose diet include mainly plants, tree leaves, branches, fruits etc.

Động vật ăn cỏ

Động vật ăn cỏ là những động vật mà chế độ ăn chủ yếu gồm cây cỏ, lá cây, cành cây và quả v.v.

Giraffe - Giraffe is the tallest land animal with short horns on the top of its head. They are usually found moving in small herds. They have only seven bones in their neck thus they can't bend their necks too much like other animals.

They feed on the tall acacia tree as they can reach there because of their height. They run faster than a horse. The colour of giraffe's resembles the shadow of the tree and thus it is not visible to enemies. It has sensitive ears. it can hear the faintest sound. It has keen sense of smell and sight. If it is attacked by enemies it can run at a speed of 45 kms per hour and kick the enemies with its hind legs. Even the lions remain alert while attacking a giraffe as it strikes its head like a hammer.



Hươu cao cổ - Hươu cao cổ là động vật trên cạn cao nhất, hươu cao cổ có sừng ngắn trên đỉnh đầu. Người ta thường thấy chúng di chuyển thành từng đàn nhỏ. Hươu cao cổ chỉ có bảy xương ở cổ, do đó chúng không thể gập cổ được nhiều như những động vật khác.

Hươu cao cổ ăn đọt cây keo vì nó có thể với tới nhờ chiều cao của mình. Chúng chạy nhanh hơn ngựa. Màu của hươu cao cổ giống như màu bóng cây và do đó những con vật thù địch không nhìn thấy nó. Hươu cao cổ có đôi tai thính. Nó có thể nghe được tiếng động nhỏ nhất. Nó có thị giác và thính giác tinh tường. Nếu bị các kẻ thù tấn công, nó có thể chạy với tốc độ 45 km/giờ và đá kẻ thù bằng hai chân sau. Ngay cả sư tử cũng phải cảnh giác khi tấn công hươu cao cổ vì cú đập đầu của nó giống như cú đập búa.

Hippopotamus - Hippopotamus means 'river horse'. They are the largest land animal after elephant. They are mostly found in Africa and spend most of the time in rivers and lakes swimming, walking or resting. They can remain continuously and fully under water for six minutes, and during night hours they come on land to feed on bushes and grass. It has 60 cm long teeth inside its huge mouth.



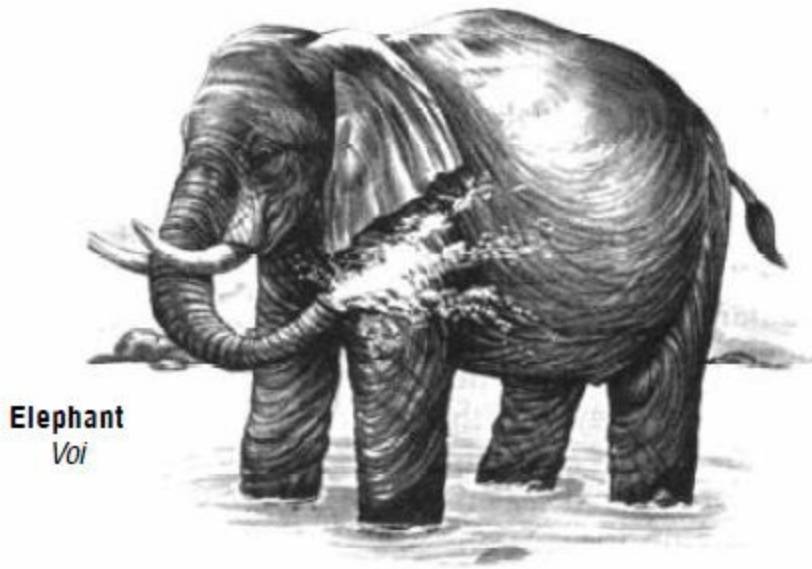
Hippopotamus

Hà mã

Hà mã – Hà mã có nghĩa là “ngựa ở sông”. Chúng là động vật trên cạn lớn nhất sau voi. Hà mã được thấy chủ yếu ở Phi Châu và chúng dành phần lớn thời gian ngâm mình trong các con sông và hồ để bơi, bước đi hay nghỉ ngơi. Chúng có thể ở hoàn toàn bên dưới nước trong sáu phút, và vào ban đêm, chúng lên bờ để ăn cây bụi và cỏ. Hà mã có những cái răng dài 60 cm bên trong cái miệng khổng lồ của nó.

Elephant - Elephants are found in Asia and Africa. They are the biggest land animals and like peace. They can easily be domesticated, they normally weigh upto 5 tons except an African elephant which weighs upto 12 tonnes.

Its legs are thick and short provided with pads on its feet which enables it to walk softly. It has two ivory tusks protruding outside from the upper jaw. These tusks are used as a weapon for defence.



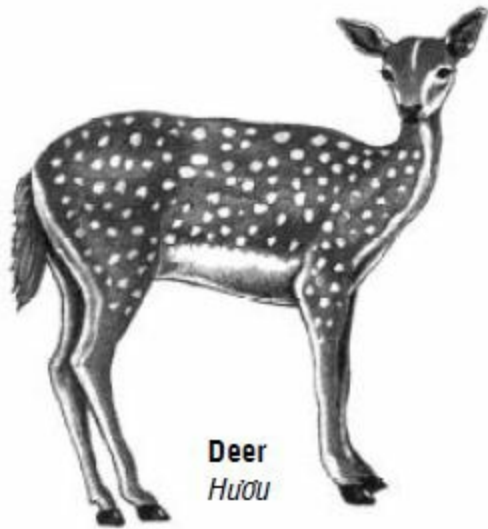
Voi – Voi được thấy chủ yếu ở Châu Á và Châu Phi. Chúng là những động vật trên cạn lớn nhất và thích sống hòa bình. Voi có thể được thuần hóa dễ dàng; thông thường voi nặng đến 5 tấn, trừ voi Châu Phi nặng đến 12 tấn.

Chân voi mập và ngắn, có lớp đệm trên bàn chân giúp cho voi có thể bước đi nhẹ nhàng. Voi có hai ngà nhô ra ngoài từ hàm trên. Những cái ngà này được sử dụng như một vũ khí để tự vệ.

Deer - Deer belongs to the family of Cervidae. It produces musk, so it is known as musk deer. It is a small, compact and shy animal, found in the mountainous regions which extend from Siberia to the Himalayas.

It has large ears and a very short tail. It does not have antlers on its head. It measures 50-60 cms at the shoulder. The male deer has long upper canine teeth that projects downward from the mouth as tusks.

These musks have compelling persistent odour, the fresh musk is semi liquid used in soaps and perfumes which gives pleasant smell. Musk deer mainly feeds on grasses, barks of trees etc.



Hươu – Hươu thuộc về họ Cervidae. Nó tạo ra chất xạ hương, do đó được gọi là hươu xạ. Hươu là một con vật nhỏ gọn và nhút nhát. Được thấy ở những vùng núi trải dài từ Siberia đến Himalaya.

Hươu có đôi tai lớn và đuôi rất ngắn, không có gạc trên đầu. Hươu có số đo ngang vai là từ 50 đến 60 cm. Hươu đực có những răng nanh trên dài, chìa xuống dưới từ miệng như những cái ngà.

Chất xạ hương có mùi thơm hấp dẫn lâu phai, xạ tươi là một chất bán lỏng được sử dụng trong xà phòng và nước hoa để tạo ra mùi thơm dễ chịu. Hươu xạ ăn chủ yếu là cỏ, vỏ cây v.v.

INTERESTING FACTS

Sự kiện đáng chú ý

Skunk is a carnivore animal found in America, Canada and Mexico. This animal is disliked by everybody because of its foul smell.

Rhinoceros are hunted for their horns as it is believed that their horns have magical power and medicinal value.

Chồn hôi là động vật ăn thịt có ở Mỹ, Canada và Mexico. Con vật này không được ưa thích vì mùi hôi của nó.

Tê giác đã bị săn để lấy sừng vì người ta tin rằng sừng tê giác có năng lực thần bí và có giá trị chữa bệnh.

CHÚ THÍCH TỪ VỰNG

Carnivore: động vật ăn thịt

Herbivore: động vật ăn cỏ

Cave: hang động

Shallow water: vùng nước nông

Prey: con mồi

Caribou: tuần lộc

Wild pig: heo rừng

Grassland: đồng cỏ

Symbol: biểu tượng, ký hiệu

Jungle: rừng rậm

Victim: con mồi, nạn nhân

Walrus: hải mã

Wolf: chó sói

Shark: cá mập

Giraffe: hươu cao cổ

Hippopotamus: hà mã

Elephant: voi Hunt: săn

Deer: hươu

Air sac: *túi không khí*

Worm: *sâu bọ*

Sea cucumber: *hải sâm*

Small bird: *chim nhỏ*

Mice: *chuột*

Goat: *dê*

Sheep: *cừu*

Bear: *gấu*

Tiger: *hổ*

Lion: *sư tử*

Brown bear: *gấu nâu*

Wild buffaloes: *bò rừng*

Zebra: *ngựa vằn*

Jackal: *chó sói*

Grizzly bear: *gấu xám*

Elk: *nai sừng tấm*

Belligerent: *hiếu chiến*

MAMMALS AND HIBERNATING ANIMALS

ĐỘNG VẬT CÓ VÚ VÀ ĐỘNG VẬT NGỦ ĐÔNG

1 MAMMALS

Mammals are those animals which suckle their young ones and have hair on their body. They are the largest group of animals. There is huge variety of mammals including bats, dogs, cats, horses, whales and elephants etc. Mammals are divided into three main groups, egg laying mammals, marsupials and placental mammals. Duck billed platypus lays eggs, other mammals give birth to their young ones. All mammals are vertebrate animals and respire through their lungs. Mammals are warm blooded animals.

Since they are warm blooded they can keep their body temperature constant according to their surroundings. There are different types of mammals flying mammals like bats, marine mammals like dolphins and whales and land mammals like chimpanzee. They are very peculiar as some of them live on the land, some on the trees, some in the water and some inside the earth. Mammals are both carnivorous and herbivorous while some eat both plants and meat and are known as omnivorous.

Động vật có vú

Động vật có vú là những con vật cho con non bú và có lông trên cơ thể. Chúng là nhóm động vật lớn nhất. Có nhiều loại động vật có vú rất khác nhau, bao gồm dơi, chó, mèo, ngựa, cá voi và voi v.v. Các động vật có vú được chia thành ba nhóm chính: các động vật có vú đẻ trứng, động vật có túi và động vật có vú có nhau thai. Rái mỏ vịt đẻ trứng, các động vật có vú đều đẻ con. Tất cả các động vật có vú đều là động vật có xương sống và thở bằng phổi. Động vật có vú là những động vật máu nóng.

Vì có máu nóng nên chúng có thể giữ thân nhiệt không đổi theo môi trường xung quanh. Có nhiều loại động vật có vú: các động vật có vú biết bay như dơi, các động vật có vú ở biển như cá heo và cá voi, và các động vật có vú

trên cạn như tinh tinh. Thật kỳ lạ là một số động vật có vú sống trên cạn, một số còn lại sống trên cây, một số sống dưới nước và một số sống bên trong lòng đất. Các động vật có vú có thể là động vật ăn cỏ hay động vật ăn thịt; một số ăn cả cây cỏ và cả thịt và được gọi là động vật ăn tạp.

Chimpanzee - Chimpanzee resemble man in many aspects. They are tailless monkeys and are found mostly in the dense forests of Africa and Asia. Their bone structures are similar to man.

The number of their teeth is similar to ours. Like human beings they too have wrinkles on their forehead. Their blood, and skull all are like man except that they cannot speak like human beings.

They are the cleverest of all the animals and can imitate man in many ways. Their whole body is covered with black hair. Chimpanzees can easily be captured. They usually move in groups with their male leader and make peculiar sounds. They even use tools like ours for hunting and fishing.



Tinh tinh – Tinh tinh giống người về nhiều mặt. Chúng là loại khỉ không đuôi được thấy chủ yếu ở những khu rừng rậm Châu Phi và Châu Á. Cấu trúc

xương của chúng tương tự như của người.

Số lượng răng của tinh tinh giống như số răng của chúng ta. Giống như con người, tinh tinh cũng có những nếp nhăn trên trán. Máu và sọ của chúng giống như của con người, chỉ có khác là chúng không biết nói như người.

Tinh tinh là động vật thông minh nhất và có thể bắt chước người nhiều thứ. Toàn bộ cơ thể chúng có lông đen bao phủ. Có thể bắt được tinh tinh một cách dễ dàng. Chúng thường di chuyển thành từng nhóm với con đực đầu đàn và phát ra những tiếng kêu khác thường. Chúng thậm chí còn biết sử dụng những công cụ giống như con người để săn và bắt cá.

Bats - Bats are the only mammals that can fly. These are nocturnal animals and can find their way in the dark with their high pitched squeak known as ultrasound. They usually sleep during the day time while hanging upside down. They use their wings to catch their prey.

There are different types of bats like large, small and vampire. Large bats are called flying foxes and fruit bats. They are vegetarians.

Small bats not only feed on the insects but even frogs, fish, mice, and vampire bats feed only on blood of horses, pigs and sleeping cattle. Since they have few teeth they do not chew but only lick.



Dơi – Dơi là loài động vật có vú duy nhất có thể bay. Chúng là những động vật hoạt động về đêm và có thể tìm đường trong bóng tối bằng những tiếng kêu có âm vực cao gọi là siêu âm. Chúng thường ngủ vào ban ngày khi treo mình quay lưng xuống dưới trên các cành cây. Chúng sử dụng đôi cánh để bắt mồi.

Có nhiều loại dơi khác nhau như dơi lớn, dơi nhỏ và dơi hút máu. Dơi lớn được gọi là chồn bay và dơi ăn quả. Chúng là những con vật ăn rau quả.

Dơi nhỏ không chỉ ăn côn trùng mà còn ăn ếch, cá, chuột và dơi hút máu chỉ ăn máu của ngựa, heo và trâu bò đang ngủ. Vì dơi chỉ có vài cái răng nên chúng không nhai mà chỉ liếm.

Blue whale - The blue whale is larger than the dinosaurs that lived on the earth. Their ancestors walked on land. With the passage of time the front legs of whales developed into flippers and the rear ones as tails.

Whales generally feed and travel in groups known as pods. They have baleen plates in their mouth instead of teeth which help filter out tiny shrimp like creatures called krill.

The stomach of blue whale can hold up two tons of food at a time.

During the blue whale feeding season in the Antarctic it consumes nearly 4 million shrimps each day and when they move to warm waters they hardly eat anything. Whenever a whale sleeps it stays nearly on the surface and keeps its blow hole (nostrils) above the water.



Blue whale
Cá voi xanh

Cá voi xanh – Cá voi xanh lớn hơn loài khủng long đã từng sống trên trái đất. Tổ tiên của chúng đã từng bước đi trên cạn. Theo thời gian, hai chân

trước của cá voi đã phát triển thành hai vây chèo và hai chân sau thành cái đuôi.

Cá voi thường kiếm ăn và di chuyển thành từng nhóm gọi là đàn. Chúng có tấm sừng hàm ở miệng thay vì ở các răng để giúp chúng lọc những con vật li ti giống như tôm gọi là loài tôm cua.

Dạ dày của cá voi xanh có thể chứa được hai tấn thức ăn cùng một lúc.

Trong mùa kiếm ăn của cá voi xanh ở Bắc cực, nó tiêu thụ gần bốn triệu con tôm mỗi ngày và khi di chuyển đến những vùng nước ấm, chúng hầu như không ăn gì cả. Bất cứ khi nào ngủ, cá voi đều ở gần trên bề mặt nước và giữ lỗ thở (lỗ mũi) của nó bên trên bề mặt nước.

Sun Bear - Sun Bear has a short, sleek black coat over its body with small round ears. The paws are large and the soles are naked. It can easily climb trees as its claws are large, curved and pointed.

Sun bear is the smallest of all the bears, the adults are about 120 to 150 centimeters long and weigh 27 to 65 kilograms. They live in the lowland tropical forests. They usually sleep in trees. They are found throughout South-East Asia, Burma, Bangladesh, Vietnam, Thailand, South and Peninsular Malaysia and the islands of Sumatra and Borneo.

These bears are omnivores and eat palm trees, nest of wild bees, termites, small mammals, birds etc. Sometimes they even cause damage to crops.

Sun bear
Gấu chó



Gấu chó – Gấu chó có một lớp áo lông ngắn màu đen mượt trên cơ thể và có đôi tai tròn nhỏ. Bàn tay có vuốt của gấu rộng và lòng bàn tay không có lông. Gấu chó có thể leo cây dễ dàng vì có bàn tay lớn, cong và nhọn.

Gấu chó là loài gấu nhỏ nhất, gấu trưởng thành dài khoảng 120 đến 150 cm và nặng từ 27 đến 65 kg. Chúng sống ở những rừng nhiệt đới ở vùng đất thấp. Chúng thường ngủ trên cây. Gấu chó có ở khắp vùng Đông Nam Á, Miến Điện, Bangladesh, Việt Nam, Thái Lan, Nam Mã Lai và bán đảo Mã Lai, và các đảo Sumatra và Borneo.

Gấu chó ăn tạp và có thể ăn cây cỏ, tổ ong rừng, tổ mối, các động vật có vú nhỏ, chim, v.v. Đôi khi chúng thậm chí còn phá hoại mùa màng.

Virginia opossum - Virginia opossum is the only living marsupial in North America. It is commonly found in Eastern U.S.A. It lives in the deciduous forests and prairies.

They are nocturnal animals (active during night). They usually sleep during the day time in the den of a hollow tree or in abandoned burrows.

Whenever they are attacked by enemies they pretend to be dead as they do not blink and hang their tongues out.

The Virginia opossum is about 2.5 feet long with a prehensile tail. It is hairless and has a clawless thumb on each hind foot.

The young ones, when born, are about the size of a bee. Females have a fur lined pouches on their abdomen. The young ones drink milk from teats in the pouch for about 2 months.

The Virginia opossum is an omnivore as it eats insects, like lizards, mice, snails earthworms, fruits, nuts, seeds, grasses and carrion (dead meat).



Virginia opossum
Chuột túi Virginia

Chuột túi Virginia- Chuột túi Virginia là động vật có túi duy nhất ở Bắc Mỹ. Chuột túi Virginia thường được thấy ở Đông Hoa Kỳ. Chúng sống trong những khu rừng rụng lá và các thảo nguyên.

Chúng là những con vật hoạt động về đêm. Chúng thường ngủ vào ban ngày trong hang trong một thân cây rỗng hoặc trong những hang động bỏ hoang.

Khi bị các kẻ thù tấn công, chúng thường giả chết bằng cách không chớp mắt và lè lưỡi ra.

Chuột túi Virginia dài khoảng 2,5 feet với một cái đuôi có thể nắm được. Nó không có lông và ngón chân cái không móng vuốt trên mỗi bàn chân sau.

Chuột túi con khi được sinh ra có kích thước bằng một con ong. Con cái có túi có lông bao phủ ở bụng. Chuột túi con bú sữa từ những núm vú trong túi khoảng 2 tháng.

Chuột túi Virginia là động vật ăn tạp vì nó ăn côn trùng như thằn lằn, chuột, ốc sên, giun đất, trái cây, hạt có vỏ, hạt, cỏ và xác thú chết (thịt thối rửa ra).

Porcupine - Porcupine is a mammal. It is found in North America, Africa and South America. The porcupine lives in the forests of North America. It also inhabits the wooded areas of Alaska and Canada. It lives in hollow logs, holes in the ground or in trees. It eats bark of the trees like oak and maple. It has long soft hair and stiff quills on its back and on the side of the tail. It's slow moving but is an excellent climber. It usually grunts when an attacker is nearby. It doesn't hibernate but only migrates because of the weather and low supply of food. The porcupine has around 3,000 quills and each 3-9 inches long.

Some porcupines have hooked and barbed shaped quills, these quills stick into the attacker's flesh and kill their enemies by injecting germs in their bodies.

Porcupines, summer diet consists of shrubs and tree leaves while in winters they feed on the cambium layer and inner bark of tree. The young ones move quite briskly soon after the birth. This creature is quite playful and an excellent swimmer.



Nhím – nhím là một động vật có vú. Nhím được thấy ở Bắc Mỹ, Châu Phi và Nam Mỹ. Nhím sống trong những khu rừng ở Bắc Mỹ. Nó cũng sống trong những vùng rừng ở Alaska và Canada. Nhím sống trong những khúc cây rỗng, trong các hốc trên mặt đất hay trong cây. Nhím ăn vỏ của các cây như

cây sồi và cây thích. Nó có lông mềm dài và những lông cứng trên lưng ở phía đuôi. Nhím di chuyển chậm nhưng là một động vật leo trèo giỏi. Nó thường kêu in in khi có một con vật tấn công lại gần. Nhím không ngủ đông nhưng di trú khi thời tiết thay đổi và nguồn thức ăn cạn kiệt. Nhím có khoảng 3.000 lông cứng và mỗi lông dài từ 3 đến 9 inch.

Một số loài nhím có những lông cứng có dạng cong và có ngạnh, những lông cứng này dính vào da thịt kẻ tấn công và giết chết kẻ thù bằng cách tiêm mầm bệnh vào trong cơ thể chúng.

Vào mùa hè, thức ăn của nhím là cây bụi và lá cây, trong khi vào mùa đông, chúng ăn tầng phát sinh gỗ và lớp vỏ trong của cây. Nhím con di chuyển khá nhanh nhẹn ngay sau khi được sinh ra. Con vật này ưa đùa nghịch và bơi rất giỏi.

Kangaroo - Kangaroos are found in Tasmania (Australia) and New Guinea. The man sized kangaroos of Australia are capable of reaching a speed of 88 km/h for a short distance. They can jump 9m or more at a time.

The kangaroo is the biggest of all marsupials but the new born is only 2.5 cm long. The young ones are hairless, deaf, blind with stumpy limbs and tail. The new born stays in the pouch and suckles. It moves out of the pouch only when it grows fully. Kangaroos have long thick tail for maintaining the balance of its body. Kangaroos are not scared by attackers except dogs.

When chased it often heads for water and stands submerged to the chest attempting to drown the attacker by holding him under water. It even kicks the adversary with its clawed hind feet and sometimes it attains so much force that it can even kill human beings.



Kangaru– Kangaru được thấy ở Tasmania (Úc) và tân Guinea. Kangaru lớn cỡ con người ở Úc có thể đạt đến vận tốc 88 km / giờ trong một khoảng đường ngắn. Chúng có thể nhảy mỗi bước xa đến 9 m hay hơn.

Kangaru là động vật có túi lớn nhất nhưng con con mới sinh chỉ dài 2,5 cm. Kangaru con không có lông, không nghe và không nhìn thấy, có các chi lùn mập và có đuôi. Con con mới sinh ở trong túi và bú mẹ. Nó chỉ di chuyển ra khỏi túi khi đã lớn hoàn toàn. Kangaru có cái đuôi to, dài để giữ thăng bằng cho cơ thể của nó. Kangaru không sợ những con vật khác tấn công, chỉ trừ chó.

Khi bị săn đuổi, chúng thường hướng về phía nước và đứng ngấp mình trong nước cho đến ngực, cố làm cho con vật tấn công chết đuối bằng cách chìm nó dưới nước. Kangaru thậm chí còn đá địch thủ bằng chân sau có móng vuốt và đôi khi đá với một lực thậm chí có thể làm chết người.

Oryx - Oryxes are large African antelopes found in dry areas like deserts and can survive without water for longer periods. The smallest species, the Arabian oryx is almost extinct and another species scimitar horned oryx of Sahara is on the endangered list. Oryxes live in herds of 60 animals.

New born calves are able to run with the herd soon after birth. Both males and females possess permanent narrow straight horns.

Their horns are quite lethal and are known to kill lions. That's why these animals are known as sabre antelope.



Linh dương châu Phi – Linh dương Châu Phi là loài linh dương lớn nhất ở Châu Phi được thấy ở những vùng khô hạn như các sa mạc và có thể sống sót không cần có nước trong những thời gian dài. Loài nhỏ nhất là linh dương Ả Rập (Arabian oryx) gần như bị tuyệt chủng và các loài khác là linh dương có sừng ở Sahara cũng nằm trong danh sách bị đe dọa tuyệt chủng. Linh dương Châu Phi sống thành bầy gồm 60 con.

Những con con mới sinh có thể chạy theo bầy ngay sau khi được sinh ra. Cả con cái và con đực đều có cặp sừng hẹp, thẳng ở trên đầu.

Cặp sừng của linh dương khá nguy hiểm và đã được biết là có thể giết chết cả sư tử. Đó là lý do nó được gọi là linh dương kiếm.

Porpoise - Porpoise is a marine creature that imitates man in many respect. Though it resembles fish in appearance yet it doesn't fall in their category. It is mammal. Porpoise doesn't have gills for respiration, it breathes through its lungs.

It has 80 to 100 teeth in its mouth and is found in the Atlantic and the Pacific oceans. It is the cleverest of all the animals. It can imitate even the human voice. In the marine studio of Florida a porpoise kept there could easily speak like humans. It is very useful as a kind of oil extracted from its head is used for lubricating the parts of watches and other precious equipments.

Cá heo – Cá heo là một sinh vật bắt chước theo con người nhiều thứ. Mặc dầu có hình dạng giống cá, nhưng cá heo không thuộc vào nhóm phân loại này. Nó là một động vật có vú. Cá heo không có mang để hô hấp, nó thở bằng phổi.

Trong miệng nó có từ 80 đến 100 răng, và cá heo được thấy có ở Đại Tây Dương và Thái Bình Dương. Nó thậm chí có thể bắt chước giọng nói của người. Một con cá heo nuôi ở trạm nghiên cứu biển Florida có thể nói như người một cách dễ dàng. Cá heo rất có ích vì có một thứ dầu được trích từ đầu cá heo được sử dụng để bôi trơn cho những chi tiết trong đồng hồ đeo tay và các thiết bị quý giá khác.

Bison - Bisons are found mostly in North America and Europe. A large bull stands 2 min high at the shoulder and weighs nearly 910 kg.

Among the predators only the grizzly bear is strong enough to kill an adult bull.

They are equipped with a keen sense of smell and can detect odours up to a mile. They have excellent eyesight and are quite comfortable in water. They can live for 40 years.



Bò rừng – Bò rừng được thấy chủ yếu ở Bắc Mỹ và Châu Âu. Một con bò đực lớn cao đến 2m ngang vai và nặng khoảng 910 kg.

Trong số những con vật săn mồi, chỉ có gấu xám là đủ mạnh để giết được

một con bò rừng trưởng thành.

Bò rừng có khứu giác rất tốt và có thể phát hiện các mùi từ cách xa một dặm. Chúng cũng có thị lực tốt và có thể thoải mái ở trong nước. Chúng có thể sống lâu đến 40 năm.

2 HIBERNATING ANIMALS

Some animals keep sleeping throughout the winter and this sleep is referred to as hibernation.

Reptiles hibernate during winters as they would freeze to death if stayed out in the open. Animals, before they hibernate, sleep a lot so that their body fat keeps them alive during the long sleep.

Các động vật ngủ đông

Một số động vật ngủ suốt mùa đông và giấc ngủ này được gọi là ngủ đông.

Các loài bò sát ngủ đông trong mùa đông vì chúng sẽ bị đóng băng đến chết nếu ở ngoài trời. Các động vật ngủ đông để tích trữ mỡ trong cơ thể nhằm duy trì sự sống cho chúng trong giấc ngủ dài.

Hedgehog - Hedgehogs are found in gardens and in woodlands. They can be located during night. They mainly feed on insects. Whenever they sense danger they roll themselves into a prickly ball. They hibernate during winters.



Nhím Châu Âu – Nhím Châu Âu được thấy trong những vườn và rừng. Có thể phát hiện ra chúng vào ban đêm. Chúng ăn chủ yếu là các côn trùng. Khi cảm thấy nguy hiểm, chúng cuộn mình lại thành một khối cầu gai. Nhím

Châu Âu ngủ đông trong suốt mùa đông.

Fat dormouse - Fat dormouses are found In. Europe. They look like a squirrel. They can be seen during night. They mostly feed on fruits, nuts and insects. They eat a lot and become very fat before their sleep during winter.

Chuột sóc – Chuột sóc được thấy ở Châu Âu. Chúng trông giống như con sóc. Chúng có thể được nhìn thấy vào ban đêm. Chuột sóc ăn chủ yếu là quả, hạt cứng và các côn trùng. Chúng ăn nhiều và trở nên béo trước khi bắt đầu giấc ngủ vào mùa đông.

Marmot - Marmots are stout animals with round ears and strong digging claws. They eat plants and rodents.

They live in colonies in burrows on south facing mountain slopes above the tree line. Their colony hibernates during winter.

Chuột macmôt - Chuột macmôt là con vật có cơ thể tròn trịa với hai tai tròn và các bàn chân có móng vuốt khoẻ để đào. Chúng ăn cây cỏ và các thú gặm nhấm.

Chúng sống thành những quần thể trong các hang trên những dốc núi hướng về phía nam bên trên đường giới hạn của cây cối. Quần thể macmôt ngủ đông trong mùa đông.

INTERESTING FACTS

Sự kiện đáng chú ý

Chimpanzees are very clever and often resemble human beings. They use leaves to scoop water from a stream and they push sticks in the middle of a nest to eat termites.

Marsupials are pouched mammals and they give birth to under developed babies that develop inside the pouch of mother's body. One of the best example of marsupials is the kangaroo.

Marmots are stout bodied animals which hibernate throughout the winter. Sea cow is a mammal found in the sea. There are four species of sea cows. One is

Dugong and other three are found from the Indian ocean to the Northern Australia. Manatees are found in North, South America and West Africa.

Tinh tinh rất thông minh và thường khá giống người chúng sử dụng các lá cây để múc nước từ suối và chúng dùng cây que để chọc vào giữa các tổ mối để bắt mối ăn.

Thú có túi là những động vật có vú có túi và chúng sinh ra những con con chưa phát triển đầy đủ; con non sau đó phát triển trong cái túi trên cơ thể thú mẹ. Một ví dụ điển hình nhất của các loài thú có túi là Kangaru.

Macmôt – là những con vật có cơ thể tròn trịa, ngủ đông suốt mùa đông. Bò biển là một động vật có vú sống ở biển. Có bốn loài bò biển, một trong số đó là Dugong và ba loài khác được thấy ở Ấn Độ Dương cho đến Bắc Úc. Bò biển (Manatees) được tìm thấy ở Bắc Mỹ, Nam Mỹ và Tây Phi.

CHÚ THÍCH TỪ VỰNG

Body temperature: *thân nhiệt*

Omnivorous: *động vật ăn tạp*

Monkey: *khỉ*

Forest: *rừng*

Nocturnal animal: *động vật hoạt động ban đêm*

Ultrasound: *siêu âm*

Flying fox: *chồn bay (dơi lớn)*

Fruit bat: *dơi ăn quả*

Insect: *côn trùng*

Dinosaur: *khủng long*

Ancestor: *tổ tiên*

Sleek black coat: lớp áo màu đen mượt

Climb tree: trèo cây

Curve and point: cong và nhọn

Palm tree: cây cọ

Nest of wild bee: tổ ong rừng

Termine: tổ mối

Damage to crop: phá hoại mùa màng

Prairies: thảo nguyên

Hollow log: cây rỗng

Hole: hang hốc

Chimpanzee: tinh tinh

Bat: dơi

Blue whale: cá voi xanh

Sun bear: gấu chó

Virginia opossum: chuột túi Virginia

Porcupine: nhím

Kangaroo: kangaru

Oryx: linh dương Châu Phi

Bison: bò rừng

Hedgehog: nhím Châu Âu

MASTERS OF DISGUISE AND TREE DWELLING ANIMALS

CÁC ĐỘNG VẬT BẬC THẦY VỀ NGỤY TRANG VÀ CÁC ĐỘNG VẬT SỐNG TRÊN THÂN CÂY

1 MASTERS OF DISGUISE

Some of the animal skins are coloured in such a way that it becomes difficult to locate them but it enables them to defend themselves from hunters.

In case they are hunters themselves it helps them by giving them a chance to catch their prey easily. Some animals can even change their colours according to the surroundings.

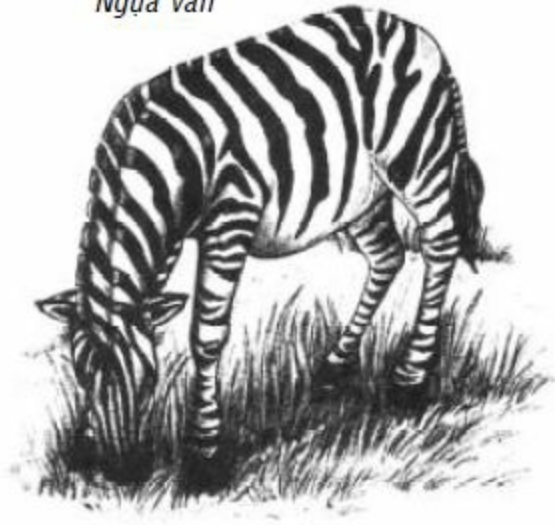
Các động vật bậc thầy về ngụy trang

Một số con vật có màu da giúp cho chúng khó bị nhận ra mà lại còn giúp cho chúng tự bảo vệ mình khỏi những con thú săn mồi.

Trong trường hợp chúng là những con thú săn mồi thì màu da giúp chúng thêm cơ hội để bắt được con mồi một cách dễ dàng. Một số con vật thậm chí còn có thể đổi màu theo môi trường xung quanh.

Zebra - There are three species of zebras found mostly in the east and south of the African continents. They are wild horses with black and white stripes on their body. They belong to the horse family called equids. They feed on grass and live in herds. Zebras are also known as striped horses. Their distinctive stripes help them confuse the predators and make them difficult to spot them against tall grasses. They have too sharp hooves which help them to kick their enemies and to run fast.

Zebra
Ngựa vằn



Ngựa vằn– Có ba loài ngựa vằn được tìm thấy chủ yếu ở Đông và Nam Phi Châu. Chúng là những loài ngựa hoang có sọc trắng và đen trên cơ thể. Ngựa vằn thuộc về họ ngựa có tên gọi là Equid. Chúng ăn cỏ và sống thành đàn. Ngựa vằn cũng được gọi là ngựa sọc. Những cái sọc đặc biệt của ngựa vằn làm hoa mắt những con thú săn mồi, khiến cho chúng khó nhận ra ngựa vằn có các móng guốc sắc bén giúp chúng đá kẻ địch và để chạy nhanh.

Chameleon - Chameleons are mostly found in Africa, Arabia and India. They live in trees and use their prehensile tail to hold the branches while hunting their prey.

It can easily change its colour according to the background. It has a sticky tongue with which it catches its prey. It mostly feeds on insects.



Chameleon
Tắc kè

Tắc kè – Tắc kè được tìm thấy chủ yếu ở Phi Châu, Ả Rập và Ấn Độ. Chúng sống trên cây và sử dụng cái đuôi có thể cầm nắm của chúng để bám vào những cành cây trong lúc săn mồi.

Tắc kè có thể thay đổi màu sắc dễ dàng theo cảnh nền. Nó có một cái lưỡi dính dính để bắt mồi. Tắc kè ăn chủ yếu là côn trùng.

2 TREE DWELLING ANIMALS

Some animals live on the trees where they find everything like food, shelter necessary for survival.

Các động vật sống trên cây

Một số động vật sống trên cây, là nơi mà chúng có được mọi thứ như thức ăn, chỗ ở cần thiết để sinh sống.

Howler monkey - Howler monkey is the loudest land animal. The only animal louder than the Howler monkey is the Blue whale. Its voice can be heard upto three miles away.

These animals live high in the tree of the rain forests of Southern Brazil, Northern Argentina, Paraguay and Bolivia. These animals live for about 20

years.

The adult howlers are black to brown while females and the young ones are lighter in colour. Howlers grow about 2 to 4 feet tall and weigh nearly 8 to 22 pounds. They have a long tail, short snout and widest round nostrils. These monkeys eat mostly leaves, fruits and maggots.



Khỉ rú – Khỉ rú là con vật sống trên cạn ồn ào nhất. Con vật duy nhất ồn ào hơn khỉ rú là cá voi xanh. Tiếng rú của khỉ rú có thể nghe được ở cách xa đến 3 dặm.

Những con vật này sống ở cao trên cây trong những khu rừng mưa nhiệt đới Brazil, Bắc Argentina, Paraguay và Bolivia. Những con khỉ này sống được khoảng 20 năm.

Khỉ rú trưởng thành màu nâu đen trong khi những con cái và con con có màu sáng hơn. Khỉ rú cao từ 2 đến 4 feet và nặng khoảng từ 8 đến 22 pound. Chúng có cái đuôi dài, mõm ngắn và lỗ mũi tròn rất rộng. Những con khỉ này ăn chủ yếu là lá cây, quả và giò bọ.

Sloth - Sloth belonging to the family of mammals is found in South America. It has hooked claws on both toes, and fingers which help them to move upside down as they spend most of their lives in that position. It can even go

to sleep in that position. Sloths eat, mate and give birth to young one in this peculiar position.

The hair on its body runs from its belly round to its back. It hardly has a tail. It has peglike teeth and its nose is blunt. It feeds on buds, twigs and leaves. It generally lives alone and has a strong body.



Con lười– Con lười thuộc họ động vật có vú có ở Nam Mỹ. Lười có các móng hình móc trên các ngón chân và ngón tay, giúp cho chúng di chuyển lên và xuống vì chúng sống phần lớn thời gian trong tư thế này. Con lười thậm chí còn ngủ trong tư thế đó. Lười ăn, giao phối và sinh con trong tư thế khác thường này.

Lông trên thân lười trụi một vòng quanh bụng đến lưng. Lười hầu như không có đuôi. Chúng có răng giống như móc và cái mũi tẹt. Nó ăn chồi, đọt và lá cây. Lười thường sống đơn độc và có một cơ thể khỏe mạnh.

INTERESTING FACTS

Sự kiện đáng chú ý

Viceroy butterfly is a perfect example of disguise, as it copies the appearance of another.

Tigers are the biggest of all the big cats. A fully grown tiger can eat upto 25 kg of at a time.

Sloth bears love to eat termites.

Howler monkeys are the noisiest animals found in the Amazon forest.

Bướm Viceroy là một ví dụ tuyệt vời về sự ngụy trang, vì nó bắt chước hình dạng của một loài bướm khác.

Hổ là loài mèo lớn nhất trong các loài mèo lớn. Một con hổ trưởng thành có thể ăn hết 25 kg mỗi lần ăn.

Con lười rất thích ăn mối.

Khỉ rú là những con vật ồn ào nhất, được tìm thấy trong rừng amazon.

CHÚ THÍCH TỪ VỰNG

Zebra: ngựa vằn

Chameleon: tắc kè

Howler monkey: khỉ rú

Sloth: con lười

Change its colour: thay đổi màu sắc

Sticky tongue: lưỡi dính

Tail: đuôi

Snout: mõm

Widest round nostril: lỗ mũi tròn rất rộng

Maggot: giòi bọ

PETS AND WORKING ANIMALS

NHỮNG CON VẬT NUÔI LÀM KIỂNG VÀ NUÔI ĐỂ LÀM VIỆC

1 PETS

Many animals share a home with us like cats and dogs. These animals are kept as companions.

Dogs were the first animals to be tamed by man. Some animals like 3 human company and they prefer to stay with them. Such animals are known as pets. Cats and dogs are the favourite pet animals kept by man. Wild animals often make their homes if they need one but pet animals need a house to live in. Apart from cats and dogs many people keep fish as a pet. These fishes are kept in an aquarium or a fish pond in the garden.

Most pets love to do exercise, something for health e.g., hamsters and mice love exercising on a treadmill. A hamster is a rodent kept as a pet. It has short legs, bobbed tail and large cheek pouches for keeping food. The word hamster comes from a German word meaning hoarder because a hamster hoards any food which it is not able to eat.

Vật nuôi làm kiểng

Có nhiều con vật ở chung nhà với chúng ta như mèo và chó. Những con vật này được nuôi như là bạn đồng hành. Chó là động vật thích ở cùng con người. Những con vật này được gọi là vật nuôi làm kiểng.

Chó và mèo là những con vật nuôi kiểng được ưa chuộng của con người. Các động vật hoang dã thường tự làm tổ khi cần thiết nhưng những con vật nuôi kiểng thì cần có một căn nhà để sống. Ngoài mèo và chó, nhiều người thích nuôi cá làm vật nuôi kiểng. Những con cá này được nuôi trong bể hay trong một hồ cá trong vườn.

Hầu hết các con vật nuôi kiểng đều thích luyện tập cơ thể với một thứ gì đó

để giữ sức khoẻ. Chuột đồng và chuột thích luyện tập trên một vành quay. Chuột đồng là một con vật gặm nhấm được nuôi như thú nuôi kiếng; nó có các chân ngắn, đuôi cộc và gò má có túi để chứa thức ăn. Từ “chuột đồng” (hamster) bắt nguồn từ tiếng Đức có nghĩa là “kẻ tích trữ” vì chuột đồng tích trữ bất cứ thức ăn nào mà chúng không ăn được.

Cats - Cats are common pets. They belong to the same family to which lions and tigers belong. Cats are independent animals. Nearly 4000 years ago in ancient Egypt cats were considered to be gods.

Whenever a cat died it was wrapped in spices and cloth and turned into mummies and a public funeral used to take place. Cats have excellent eyesight and sharp claws on the ends of their paws. Their main diet consists of fish, milk and rats. There are varieties of cats as a result of selective breeding by humans.



Mèo – Mèo là một con vật nuôi kiếng thường gặp. Chúng thuộc cùng một họ với sư tử và hổ. Mèo là những con vật độc lập. Gần 4000 ngàn năm trước ở Ai Cập cổ đại, mèo đã được xem như những vị thần.

Khi mèo chết, nó được liệm trong hương liệu và vải rồi được ướp và thường được cử hành tang lễ. Mèo có thị lực rất tốt và có các vuốt sắc bén ở đầu các bàn chân. Thức ăn chính của chúng gồm cá, sữa và chuột. Có nhiều loài mèo khác nhau do kết quả của việc chọn giống của con người.

Dogs - Dogs are one of the first wild animals tamed by humans. According to evidence dogs have been living with humans for nearly 10,000 years. Wolves, Jackals and foxes are wild dogs.

The pet dogs originally descended from the wild dogs which were first tamed by men. There are varieties of dogs like German Shepherd, Yorkshire Terriers and Great Danes etc. Many like to have Spaniels, Bull dogs, poodles etc. Dogs are intelligent animals and can easily be trained. Species of dogs known as Chihuahua can easily be kept as a pet as it doesn't require much space to live in.



Chó— Chó là một trong những động vật đầu tiên được con người thuần hoá. Theo các bằng chứng thì chó đã sống với con người từ gần 10.000 năm. Chó sói, chó rừng và chồn là những loài chó hoang dã.

Chó nuôi kiểng có nguồn gốc từ những con chó hoang dã được con người thuần hoá đầu tiên. Có nhiều loài chó như chó chăn cừu Đức, chó săn Yorkshire và chó Đan Mạch v.v. Nhiều người thích nuôi chó Spaniel, chó Bull, chó lông xù v.v. Chó là những con vật thông minh và có thể được huấn luyện dễ dàng. Loài chó Chihuahua có thể được nuôi như một con vật làm kiểng vì nó không cần nhiều khoảng không gian để sinh sống.

2 WORKING ANIMALS

Some animals are very hard working as they carry heavy loads. These animals are known as beasts of burden. Some of these animals are horses, camels, donkeys etc.

Vật nuôi làm việc

Một số động vật là những con vật làm việc rất tích cực vì chúng có thể vận chuyển những tải trọng nặng. Những con vật này được gọi là súc vật thờ. Một

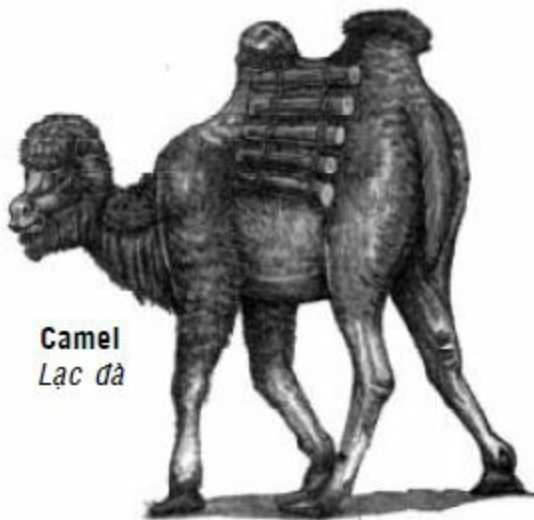
số súc vật thờ là ngựa, lạc đà, lừa v.v.

Camel - Camels are known as the Ship of the desert and they have the ability to carry heavy loads and passengers across the desert.

It is generally believed that the camel doesn't require water regularly but this is not true as like other animals even it needs water. A camel's body can store water for many days and the hump on the back of its body acts as a store house of fats.

The hump weighs nearly 45 kgs. The camel belly has two bask shaped bays for storing water. Before starting its journey, it carries large quantities of food and water with it and when its hump becomes loose, it gets exhausted. In order to revive itself it needs long hours of rest.

The camel can cover around 50 kms a day with a 450 kg of load on its back. The Bactrian or Asian camel has two humps on its back while the dromedary and Arabian has only one hump. Camels have strong teeth and can eat any type of vegetation.



Lạc đà– Lạc đà thường được gọi là Con thuyền sa mạc và chúng có khả năng vận chuyển những tải trọng nặng và hành khách qua sa mạc.

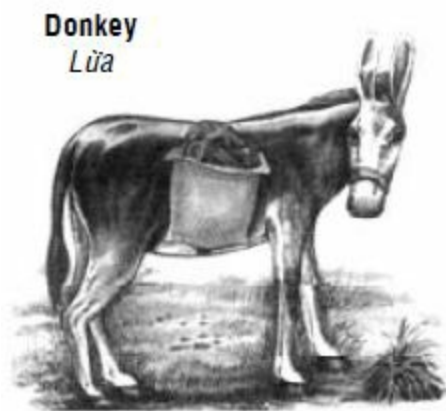
Người ta thường cho rằng lạc đà không cần nước thường xuyên nhưng điều đó là không đúng vì cũng như các động vật khác thậm chí nó cần nước. Cơ

thể của lạc đà có thể dự trữ nước cho nhiều ngày và cái bướu trên lưng của nó có tác dụng như kho dự trữ mỡ.

Cái bướu cân nặng gần 45 kg. Bụng lạc đà có hai ngăn dẹp như hai cái túi để trữ nước. Trước khi bắt đầu chuyển đi, lạc đà tích trữ những lượng lớn thức ăn và nước, và khi cái bướu của nó lỏng đi thì lạc đà kiệt sức. Để lấy lại sức khoẻ, nó cần nghỉ ngơi nhiều giờ.

Lạc đà có thể đi được khoảng 50 km mỗi ngày với một tải trọng 450 kg trên lưng. Lạc đà Bactrian hay lạc đà Châu Á có hai bướu trên lưng trong khi lạc đà một bướu hay lạc đà Ả Rập chỉ có một bướu. Lạc đà có răng khoẻ và có thể ăn bất cứ loại cây cỏ nào.

Donkey - Donkeys have been the beast of burden for men since ancient times. They can easily travel in mountains and are relatively cheaper to feed as they eat only dry vegetation. They are always found in the poorer parts of the world where one cannot afford a horse for transportation.



Lừa— Lừa là con vật thồ hàng cho con người từ thời rất xa xưa. Chúng có thể đi lại dễ dàng trong những vùng núi và việc nuôi lừa tương đối ít tốn kém vì chúng chỉ ăn rau và cỏ khô. Lừa luôn luôn được thấy ở những khu vực nghèo trên thế giới, là những nơi mà người ta không có điều kiện nuôi ngựa để vận chuyển.

INTERESTING FACTS

Sự kiện đáng chú ý

More number of people drink goat's milk than cows milk.

The medicine, Thyroxine is obtained from the thyroid glands of a cat.

Nhiều người uống sữa dê thay cho sữa bò.

Loại thuốc Thyroxine thu được từ tuyến giáp của mèo.

CHÚ THÍCH TỪ VỰNG

Cat:*mèo*

Dog:*chó*

Camel:*lạc đà*

Donkey:*lừa*

Hamster:*chuột đồng*

Sharp claw:*vuốt sắc bén*

Wolf:*chó sói*

Jackal:*chó rừng*

Goat:*dê*

Cow:*bò*

Fox:*chồn*

Wild dog:*chó hoang dã*

Beast of burden:*súc vật thô*

Desert:*sa mạc*

Hump:*cái bươu*

FLYING AND FLIGHTLESS BIRDS

CÁC LOÀI CHIM BAY VÀ KHÔNG BAY

Birds are the only animals to have feathers. They can easily adapt to any place. They are found in all types of climate whether in Antarctica or the deserts of Sahara. Birds are warm blooded. Some of them come under the group of mammals.

The effective metabolism among the birds help them to keep their body temperature constant and their feathers keep their temperature in control. Feathers are sometimes windproof as well as water proof. Feathers are made up of protein known as keratin.

The birds body is light but strong. They have hollow bones inside their body which are shaped according to their lifestyle. Birds of prey have sharp claws known as talons to tear their prey.

A woodpecker has strong claws to hold the tree trunk while an Ostrich has powerful legs which enable it to run fast. Birds do not have teeth thus they swallow whatever they get. The structure of beak is made according to the type of diet a bird has.





Chim là những động vật duy nhất có lông vũ. Chúng có thể thích nghi dễ dàng với bất cứ nơi nào. Chim được tìm thấy ở tất cả các loại khí hậu, từ Bắc cực cho đến sa mạc Sahara. Một số loài chim thuộc nhóm động vật có vú.

Cơ chế chuyển hoá hiệu quả của chim giữ cho thân nhiệt của chúng không đổi và các lông vũ của chúng điều hoà thân nhiệt. Các lông vũ đôi khi cản gió cũng như không thấm nước. Các lông vũ được cấu tạo bằng thứ protein được gọi là Keratin.

Thân chim nhẹ nhưng khoẻ. Chúng có những xương rỗng bên trong cơ thể với hình dạng khác tùy theo lối sống của chúng. Chim săn mồi có những móng sắc bén gọi là vuốt để xé con mồi.

Chim gõ kiến có các móng vuốt khoẻ để bám vào thân cây trong khi chim đà điểu có đôi chân khoẻ giúp cho chúng chạy nhanh. Chim không có răng, do đó chúng nuốt bất cứ thứ gì mà chúng kiếm được. Cấu trúc mỏ của chim được cấu tạo tùy theo loại thức ăn mà chúng ăn.

1 FLYING BIRDS

There are many birds which love to fly in the air. Some of the expert flyers are storks, swans, condors.

The peregrine falcon is the fastest of all the birds. Arctic tern is another bird which makes the longest migratory flight from Arctic to Antarctica.



Chim biết bay

Có nhiều loại chim thích bay trong không trung. Một số là những con vật bay rất giỏi như cò, thiên nga, kền kền, v.v.

Chim ưng là loài chim nhanh nhất. Én Bắc cực là một loài chim khác. Én Bắc cực thực hiện chuyến bay di trú dài nhất từ Bắc cực đến Nam cực.

Black Browed Albatross - Black Browed Albatross are mostly white with yellowish orange webbed feet with long wings. They have a bright yellow beak.

There are 13 kinds of albatross, among which the black browed albatross is one of the smallest. They look amazingly beautiful in the sky. They live a roaming life over the sea and keep flying thousands of kilometres. They mainly feed on squid and fish but the black browed albatross's primary food is krill, a tiny shrimp.

When albatross lands, it lowers its webbed feet and uses them like brakes to slow down its flight. They live in a nest of dirt, moss and small rocky

mountains.



Black Browed Albatross
Chim hải âu mi đen

Chim hải âu mi đen – Hải âu mi đen hầu như có màu trắng với hai bàn chân có màng màu vàng cam và đôi cánh dài. Chúng có cái mỏ màu vàng sáng.

Có 13 loại hải âu, trong số đó hải âu mi đen là loại nhỏ nhất. Hải âu bay trên trời trông rất đẹp mắt. Chúng sống lang thang trên biển và bay xa hàng ngàn dặm. Chúng ăn chủ yếu là mực và cá, nhưng thứ thức ăn chính của chúng là loài tôm cua, một thứ tôm nhỏ li ti.

Khi hải âu đáp xuống, nó hạ đôi chân có màng ra và sử dụng chân như những cái phanh để giảm vận tốc bay. Hải âu sống trong tổ làm bằng bùn đất, rong rêu và những viên đá núi nhỏ.

2 FLIGHTLESS BIRDS

Cassowary - There are two species of cassowary, both are found in New Guinea, an island in the north of Australia.

Cassowaries have blue or red skin on their neck. They even have a bony helmet or casque on top of their head. One of its species - Dwarf Cassowary is considered to be the most deadly bird in the world.

Chim không biết bay

Đà điểu đầu mèo – Có hai loài đà điểu đầu mèo, cả hai đều được thấy ở Tân

Guinea, một hòn đảo ở Bắc Úc.

Đà điểu đầu mèo có lớp da ở cổ màu xanh hay đỏ. Chúng lại còn có một cái mũ hay nón bằng xương trên đỉnh đầu. Một trong các loài đà điểu đầu mèo là đà điểu đầu mèo lùn, nó được xem như là thú chim kỳ quái nhất trên thế giới.

Ostrich - Ostrich is one of the largest bird in the world. It is found in the plains of Africa.

It has strong claws and can damage a man or a lion. It lives mostly on the sandy wastes and on thorn bush covered plains. They are swift runners as they can run up to 64 km/h. An Ostrich can weigh upto 155 kg.



Ostrich
Đà điểu

Đà điểu - Đà điểu là loài chim lớn nhất trên thế giới. Nó sống trong những cánh đồng Châu Phi.

Đà điểu có đôi chân mạnh và có thể gây hại cho người hoặc sư tử. Đà điểu sống chủ yếu ở các vùng cát hoang vu và trong những cánh đồng mọc đầy bụi gai. Chúng là những con vật chạy nhanh, và có thể chạy nhanh đến 64 km/giờ. Đà điểu có thể nặng đến 155 kg.

Emu - Emus are found in Australia and are the second largest birds in the

world after the Ostrich.

They are considered to be nomads and can travel upto 1000 kms in one year. These birds cause a lot of damage to the crops.



Emu
Đà điểu Emu

Đà điểu Emu - Đà điểu Emu được thấy ở Úc và là loại chim lớn thứ hai trên thế giới sau đà điểu.

Chúng được xem là những con vật sống du mục và có thể di chuyển đến 1000 km trong một năm. Những con chim này gây thiệt hại nhiều cho mùa màng.

INTERESTING FACTS

Sự kiện đáng chú ý

Humming birds of North and South America are the most colourful of all the birds. They are excellent fliers. They are able to easily dart about and can even fly in backward direction. They got their name from the humming noise of their wings.

Albatross can fly for miles without flapping their wings.

Chim vo ve ở Bắc và Nam Mỹ là loài chim có màu sắc sặc sỡ nhất. Chúng

bay rất giỏi. Chúng có thể bổ nhào xuống dễ dàng và thậm chí còn có thể bay ngược. Chúng có tên gọi như vậy vì đôi cánh của chúng tạo ra tiếng vo ve.

Hải âu có thể bay nhiều dặm mà không vỗ cánh.

CHÚ THÍCH TỪ VỰNG

Black browed albatross:*Chim hải âu mi đen*

Ostrich:*đà điểu Peregrine*

Emu:*đà điểu*

Feather:*lông vũ*

Effective metabolism:*cơ chế chuyển hóa hiệu quả*

Woodpecker:*chim gõ kiến*

falcon:*chim ưng*

Emu Albatross:*hải âu*

Moss:*rong rêu*

EXTINCT AND VANISHING ANIMALS

NHỮNG ĐỘNG VẬT ĐÃ TUYỆT CHỦNG VÀ ĐANG BIẾN MẤT

As the dinosaurs multiplied, their variety became more and more diverse. Among them were mammals like reptiles known as synapsids. One of these namely Dimetrodon had a tail like structure on its back which helped it mainly to control its body temperature.

Other mammals like reptiles known as dicynodonts were warm blooded and gradually they evolved into true mammals. Archosaurs was another group which evolved during Triassic period. Most of them were predators which gave rise to modern day crocodiles. Dinosaurs varied in size, some were like a chicken in size. Compsognathus was 70 cm long and slightly built. It was an agile and fast moving creature which lived on insects and small animals. Its skeleton resembles modern day birds.

Khi khủng long sinh sôi nảy nở, các chủng loại của chúng ngày càng đa dạng. Trong số đó là những động vật có vú như những động vật bò sát được gọi là synapsid. Một trong số chúng có tên gọi là Dimetrodon có cấu trúc giống như cái đuôi trên lưng, giúp cho nó điều hoà nhiệt độ cơ thể.

Các động vật có vú khác như loài bò sát có tên là dicynodont có máu nóng và dần dần đã tiến hoá thành những động vật có vú thật sự. Archosaur là một nhóm khủng long khác, đã tiến hoá trong kỷ Triat. Hầu hết khủng long Archosaur đều là những con vật săn mồi, là tổ tiên của cá sấu ngày nay. Khủng long có kích thước khác nhau, một số có kích cỡ bằng con gà. Comsognathus dài 70 cm và khá mảnh khảnh. Đó là một con vật khéo léo và di chuyển nhanh, ăn côn trùng và các con vật nhỏ. Bộ xương của chúng giống với bộ xương chim ngày nay.

1 EXTINCT ANIMALS

Dinosaur - Dinosaurs lived for a long time about 150 million years. They died out about 64 million years ago. They survived till the end of cretaceous

period. Many believe that they became extinct as a result of change in the environment after a huge meteor or asteroid struck the earth while some others believe that they died due to volcanic activity which wiped almost the entire marine reptile.

They were the biggest reptiles that ever lived on the earth. For nearly 160 million years, these huge reptiles ruled the earth. They were the ancestors of present day dinosaurs.



Deinonychus
Khủng long Deinonychus

Các động vật đã tuyệt chủng

Khủng long – Khủng long đã sống trong một khoảng thời gian dài khoảng 150 triệu năm. Chúng đã tuyệt chủng cách đây khoảng 64 triệu năm. Chúng đã sống cho đến cuối kỷ Phấn trắng (cretaceous). Nhiều người cho rằng chúng bị tuyệt chủng do hậu quả của sự thay đổi về môi trường sau khi một thiên thạch hay tiểu hành tinh đập vào trái đất, trong khi một số người khác tin rằng chúng bị tuyệt chủng do hoạt động núi lửa đã quét sạch gần như toàn bộ động vật bò sát ở biển.

Khủng long là những động vật bò sát lớn nhất đã từng sống trên trái đất. Trong gần 160 triệu năm, những con bò sát khổng lồ này đã thống trị trái đất. Chúng là tổ tiên của khủng long ngày nay.

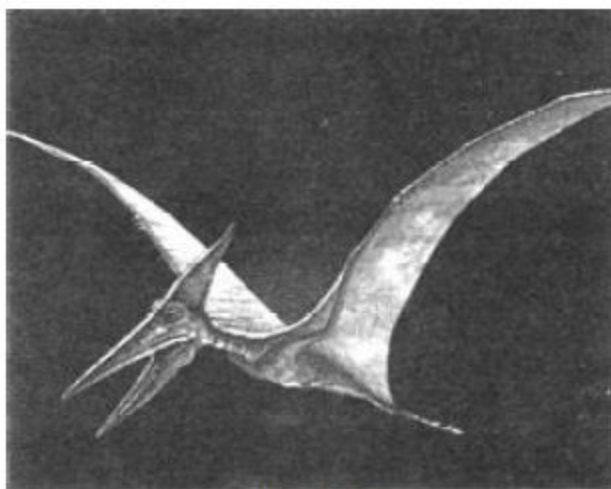
The age of dinosaurs were divided into the -The Triassic, the Jurassic and the cretaceous. Scientists have often tried to explain the reason behind their extinction but none of the theories have concrete explanation.

One of the theories which has been considered more than any other one is that their cause of extinction was the collision of an asteroid with the earth and this theory is supported by an evidence as a thin layer of clay was found in the rocks which were rich in the element iridium, a metal commonly found in asteroids. Some of the most fearful dinosaurs were Deinonychus, Velociraptor and Stenonychosaurus.

Thời đại khủng long chia thành ba kỷ – kỷ Triat, kỷ Jura và kỷ phấn trắng. Các nhà khoa học thường cố giải thích lý do tuyệt chủng của khủng long nhưng không giả thuyết nào đưa ra được cách giải thích chặt chẽ.

Một giả thuyết được xem là trội hơn những giả thuyết khác cho rằng nguyên nhân tuyệt chủng của khủng long là do sự va đập của một tiểu hành tinh với trái đất, và thuyết này được củng cố bởi bằng chứng là có một lớp mỏng đất sét giàu nguyên tố Iridi đã được phát hiện trên đá. Đó là thứ kim loại thường được thấy trên các tiểu hành tinh. Một số loài khủng long đáng sợ nhất là Deinonychus, Velociraptor và Stenonychosaurus.

Pteranodon - Pteranodon was a winged reptile. It was the largest and good at flying. Its fossils have been found in North America and Russia. It had wide wings approximately around 7 m, thus it could not walk properly on the ground and crawled on its stomach. These winged reptiles disappeared and their sudden extinction still remains a mystery.



Pteranodon

Bò sát có cánh Pteranodon

Pteranodon – Pteranodon là loài bò sát có cánh. Đó là loài bò sát lớn nhất và bay giỏi. Các hoá thạch của nó đã được phát hiện ở Bắc Mỹ và Nga. Nó có đôi cánh xấp xỉ 7 m, do đó nó không thể bước đi ngay thẳng trên mặt đất mà phải bò trườn trên bụng. Những con bò sát có cánh này đã biến mất và sự tuyệt chủng đột ngột của chúng vẫn còn là một điều bí ẩn.

Mammoths - Mammoths lived in the Quaternary Era. This animal disappeared nearly 10,000 years ago and its remains have been found in the frozen grounds of Siberia.

For the first time, mammoth was discovered in Berazovka in Siberia in 1899. It was assumed that it must have fallen down in the ice as its right foreleg and bottom of its back were broken. It was buried there for many centuries.

The experts found that its hair, blood and skin remained perfectly intact. These mammoths had huge curved tusk and were very different to the elephants found today.



Voi Mamút – Voi ma mút sống vào đại Đệ tứ. Con vật này đã biến mất khoảng 10.000 năm trước đây và tàn tích của chúng đã được phát hiện trong đất đóng băng ở Siberia.

Mamút được phát hiện ra lần đầu tiên ở Berazova, Siberia vào năm 1899. Người ta cho rằng nó đã bị ngã xuống băng vì chân phải và lưng của nó bị gãy. Con vật sau đó đã bị chôn vùi trong nhiều thế kỷ.

Các chuyên gia nhận thấy rằng lông máu và da của mamút vẫn còn nguyên vẹn hoàn hảo. Những con mamút này có cặp ngà cong khổng lồ và rất khác với những con voi ngày nay.

2 VANISHING ANIMALS

Leopard - A leopard is found throughout Africa and Asia. The leopard inhabits a variety of regions, such as tropical forests, rocky hillsides or the high, cold slopes of the Himalayas. Powerful and agile, the leopard is a deadly and efficient hunter. It stalks its prey, creeps to within a few metres, then leaps or dashes at the victim, which is dispatched by a bite in the neck or smothered by a throat bite. Their most common prey are hoofed animals, but they even eat dogs and monkeys. The well-known “black panther,” once thought to be a different species, is actually dark leopard. It belongs to the family of big cats. It hunts by running down its prey. They are becoming rare due to human encroachments. It is found only in some parts of Africa. It can run at a speed of over 100 kms per hour. Among the a rarest leopard is the snow leopard of Western China.



Những động vật đang biến mất

Báo – báo được thấy ở khắp Châu Phi và Châu Á. Báo sống trong những vùng khác nhau, như các khu rừng nhiệt đới, các vùng đồi đá hay những sườn cao lạnh lẽo vùng núi Himalya. Mạnh mẽ và khéo léo, báo là một con vật săn mồi hiệu quả và đáng sợ. Nó lén theo con mồi, trườn theo cách chùng vài mét, rồi nhảy bổ vào nạn nhân, con mồi bị kết liễu bởi một cú cắn vào cổ hay bị chết ngạt bởi một vết cắn ở họng. Thường thì con mồi của báo là những con thú có móng guốc nhưng chúng còn ăn cả chó và khỉ. Con “báo đen” nổi tiếng, từng được cho là một loài riêng biệt, thực tế là một con báo màu sẫm. Báo đang hiếm dần do sự xâm lấn lãnh thổ của con người. Người ta chỉ tìm thấy báo ở một số nơi ở Phi Châu. Nó có thể chạy nhanh hơn 100km/giờ.

Hiếm gặp nhất là loại báo tuyết ở miền tây Trung Quốc.

Peregrine Falcon - Peregrine Falcon are gradually decreasing in numbers due to widespread use of pesticides. It is affecting the hatching of its eggs. It can fly at a speed of 360 kms per hour. A diving peregrine is the fastest living creature. It strikes its prey with its talons and immediately kills its prey.



Chim ưng – Số lượng chim ưng đang giảm dần do việc sử dụng rộng rãi thuốc trừ sâu. Điều này ảnh hưởng đến sự ấp nở trứng chim. Chim ưng có thể bay với vận tốc lên đến 360 km/giờ. Con chim ưng cắt là con vật nhanh nhất. Nó tấn công con mồi bằng các móng vuốt và giết chết con mồi ngay lập tức.

Orangutan - Orangutan have brownish red hair, small ears, a hairless face, and very long arms. The name of this creature means 'wild man' in Malay. They have heavy body and thick neck. Anthropoid apes live in swampy coastal forests of Sumatra and Borneo. They have bowed legs with long arms. These animals are about two third the size of gorillas and very powerful.

They swing like Tarzan in trees while on ground they walk on all fours but their short legs are weak and lack a heel bone. They grow to about 1.6 m in height and weigh nearly 100 kg.

They are herbivorous and spend most of time on tree tops. This species has the greatest threat due to habitat disruption and destruction as the rain forests are being rapidly cleared for mining and agricultural developments. Thus

efforts must be taken to preserve them and their habitat.

Đười ươi - Đười ươi có lông màu nâu đỏ, đôi tai nhỏ, mặt không có lông và đôi tay rất dài. Tên của loài vật này trong tiếng Mã Lai có nghĩa là “người hoang dã”. Đười ươi có cơ thể nặng nề và cổ mập. Các loài khỉ linh trưởng sống trong những khu rừng đầm lầy ven biển ở Sumatra và Borneo. Chúng có đôi chân vòng kiềng và đôi tay dài. Những con vật này có kích thước khoảng bằng 2/3 kích thước của khỉ đột và rất khỏe.

Chúng đu lượn trên cây như Tarzan, trong khi ở trên mặt đất thì chúng bước đi với cả bốn chi nhưng những đôi chân ngắn của chúng yếu và không có xương gót. Chúng cao lớn đến khoảng 1,6m và nặng gần 100 kg.

Đười ươi là động vật ăn cỏ và chúng sống phần lớn thời gian trên ngọn cây. Những loài này đang bị đe dọa nghiêm trọng do sự suy thoái sinh cảnh và sự phá hủy rừng nhiệt đới một cách nhanh chóng để dọn đất cho việc khai thác mỏ và phát triển nông nghiệp. Cần phải có những nỗ lực để bảo tồn đười ươi và sinh cảnh của chúng.

INTERESTING FACTS

Sự kiện đáng chú ý

Several huge mammoths have been found perfectly preserved in Arctic ice.

Most **dinosaurs** had small brains as compared to their body size.

Eohippus was a prehistoric ancestor of horse found in present day and was as big as a pet cat.

Nhiều con **voi Mamút** to lớn đã được phát hiện, được bảo tồn nguyên vẹn trong băng tuyết ở Bắc cực.

Đa số **khủng long** có bộ não nhỏ so với kích thước cơ thể của chúng.

Eohippus là tổ tiên thời tiền sử của loài ngựa ngày nay và nó lớn bằng một con mèo nhà.

CHÚ THÍCH TỪ VỰNG

Deinonychus: khủng long *Deinonychus*

Pteranodon: bò sát có cánh

Mammoth: voi *Mamút*

Leopard: báo

Orangutan: đười ươi

Peregrine falcon: chim ưng

Structure: cấu trúc

Marine reptile: động vật bò sát ở biển

Triassic: kỷ Triat

Jurassic: kỷ Jura

Cretaceous: kỷ Phấn trắng

Collision: sự va đập

Asteroid: tiểu hành tinh

Quaternary Era: kỷ thứ tư

Frozen ground: đất đóng băng

Rocky hillside: các sườn đồi đá

Pesticide: thuốc trừ sâu

Bowed leg: chân vòng cung

Gorilla: khỉ đột

Table of Contents

LỜI NÓI ĐẦU

SỰ TIẾN HÓA CỦA CÁC LOÀI ĐỘNG VẬT

ĐỘNG VẬT CHÂN KHỚP

ĐỘNG VẬT ĂN THỊT VÀ ĂN CỎ

ĐỘNG VẬT CÓ VÚ VÀ ĐỘNG VẬT NGỦ ĐÔNG

CÁC ĐỘNG VẬT BẠC THẦY VỀ NGUY TRẠNG VÀ CÁC ĐỘNG VẬT
SỐNG TRÊN THÂN CÂY